

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX HÀ TÂY**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



MỤC LỤC

THƯ NGỎ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1	
THÔNG TIN KHÁI QUÁT		2
1. Quá trình hình thành phát triển	3	
2. Ngành nghề kinh doanh, Địa bàn kinh doanh		4
3. Sơ đồ tổ chức	5	
4. Định hướng phát triển 2017		6
5. Rủi ro	9	
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016		8
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	11	
2. Tổ chức và Nhân sự		15
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	29	
4. Tình hình tài chính		30
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	34	
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC		35
1. Tình hình tài chính của Công ty trong năm 2016	37	
2. Nhìn lại những thành tựu, tiến bộ của Công ty năm 2016		39
3. Kế hoạch hoạt động trong năm 2017	40	

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY		43
1. Đánh giá tổng quản về kinh tế vĩ mô và môi trường kinh doanh	43	
2. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty		44
3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty	46	
4. Định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2017		47
QUẢN TRỊ CÔNG TY	49	
1. Hội đồng quản trị		50
2. Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát	53	
3. Lương, thù lao của HĐQT, Ban TGD và BKS năm 2016		54
4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan	55	
5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	56	
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG		3
1. Tiêu thụ năng lượng	58	
2. Bảo vệ môi trường		60
3. Chính sách liên quan đến người lao động	61	
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	63	

Thư ngỏ của Hội đồng quản trị

“

Kính thưa quý cổ đông, quý khách hàng, đối tác và người lao động,

Năm 2016 trôi qua với nhiều diễn biến khó lường của tình hình thế giới và trong nước. Trên phạm vi toàn cầu, những bất ổn về chính trị tại các nền kinh tế đầu tàu hay các cuộc xung đột khu vực có xu hướng gia tăng đã tác động xấu đến các vấn đề kinh tế – tài chính. Kinh tế Việt Nam trong năm qua cũng gặp phải rất nhiều khó khăn. Bên cạnh những khó khăn chung từ nền kinh tế thế giới, Việt Nam còn phải đối mặt với các vấn đề trong quá trình thay đổi mô hình phát triển, khắc phục hậu quả thiên tai hay các sự cố về môi trường. Theo tổng cục thống kê, tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2016 là 6,21% thấp hơn mức 6,68% năm 2015 và mức kế hoạch đặt ra đầu năm là 6,7%.

Từ bối cảnh chung của nền kinh tế và ngành, hoạt động kinh doanh của Công ty năm qua cũng gặp nhiều yếu tố không thuận lợi. Tuy nhiên, với sự nỗ lực và quyết tâm của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, năm 2016 Công ty đã có được những kết quả đáng ghi nhận: Sản lượng bán lẻ xăng dầu đạt 26.973 m³ đạt 101,6% kế hoạch và tăng trưởng 5,7% so với năm 2015. Doanh thu từ các hình thức bán hàng khác đạt 28.717 m³ tương đương 116.7% kế hoạch, tăng 23% so với thực hiện năm 2015.

Năm 2017 hứa hẹn tiếp tục sẽ là một năm đầy khó khăn và thử thách. Vì vậy mục tiêu hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2017 sẽ là cố gắng giữ ổn định mức lợi nhuận, phân đầu trong năm 2017 đạt mức doanh thu là 908.520 triệu đồng và trả cổ tức 15% cho quý cổ đông.

Thay mặt lãnh đạo Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây, xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, Quý cổ đông đã đóng góp tích cực, ủng hộ và tin tưởng Công ty trong suốt 17 năm qua. Trong thời gian tới, chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được những đóng góp, hỗ trợ tích cực từ quý vị. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với sự đồng lòng của toàn bộ đội ngũ nhân viên, sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo và sự tin tưởng quý vị, Công ty sẽ vượt qua được những khó khăn hiện tại và ngày càng phát triển mạnh mẽ và bền vững! ”

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty : **Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tây**

Tên giao dịch : Công ty cổ phần Vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Tên viết tắt : PTH Hà Tây

Mã cổ phiếu : **PTH**

Logo



PETROLIMEX

Vốn điều lệ : 16.000.000.000 đồng (Mười sáu tỷ đồng)

Số lượng cổ phiếu đã phát hành : 1.600.000 cổ phiếu

Trụ sở chính : Km17, Quốc lộ 6, Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại : 04 33535228

Fax : 04 33531214

Website : www.ptshatay.petrokimex.com.vn

Giấy chứng nhận ĐKKD : 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần thứ 10
: ngày 19 tháng 05 năm 2014



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

2010

Giao dịch trên thị trường UPCoM

2009

Phát hành cho cổ đông hiện hữu tăng vốn từ 10 tỷ đồng lên 16 tỷ đồng bằng việc phát hành cho cổ đông hiện hữu

2006

Tăng Vốn Điều lệ từ 6,5 tỷ đồng lên 10 tỷ đồng bằng việc phát hành riêng lẻ cho Petrolimex và cho cổ đông hiện hữu

2003

Tăng Vốn Điều lệ từ 6 tỷ đồng lên 6,5 tỷ đồng

2002

Thành lập chi nhánh tại Hà Nội

2001

Thành lập chi nhánh tại Hòa Bình

2000

Được thành lập, trong đó cổ đông lớn là Petrolimex

I. THÔNG TIN CHUNG

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ❖ Kinh doanh vận tải xăng dầu
- ❖ Tổng đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu và các hàng hóa khác
- ❖ Kinh doanh xuất nhập khẩu phương tiện vận tải, vật tư, thiết bị, phụ tùng ô tô, vật tư thiết bị chuyên dùng xăng dầu
- ❖ Xây lắp, sửa chữa các công trình xăng dầu, thiết bị xăng dầu và các công trình dân dụng khác
- ❖ Vận tải hành khách và hàng hóa đường bộ
- ❖ Dịch vụ ăn uống
- ❖ Dịch vụ kho vận, bãi đỗ xe, Dịch vụ sửa chữa phương tiện vận tải
- ❖ Đại lý bảo hiểm
- ❖ Bán buôn, bán lẻ sơn, nước giặt
- ❖ Kinh doanh bất động sản.



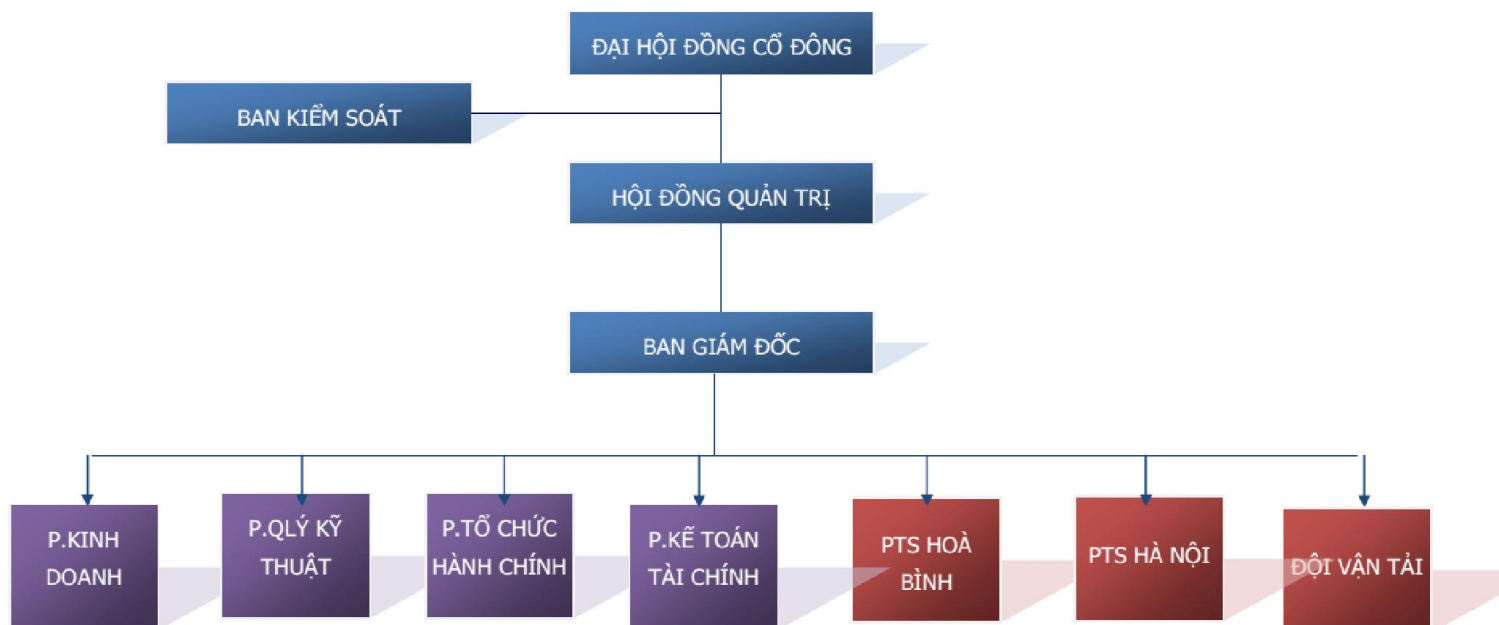
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Chủ yếu là các tỉnh, thành phố Hà Nội (địa bàn tỉnh Hà Tây cũ), Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên và tái xuất sang Lào



I. THÔNG TIN CHUNG

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Nguồn: PTS Hà Tây

Công ty hoạt động theo mô hình quản trị công ty cổ phần có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc. Ngành hàng kinh doanh chính là Vận tải xăng dầu và Bán buôn, bán lẻ xăng dầu. Ngoài ra Công ty còn có lĩnh vực kinh doanh phụ trợ: Xây lắp, sửa chữa các công trình xăng dầu và dân dụng; Sửa chữa phương tiện vận tải; Kinh doanh vật tư phụ tùng ô tô và thiết bị xăng dầu; Đại lý bán bảo hiểm; Bán dầu mỡ nhờn, nước giặt, gas.

I. THÔNG TIN CHUNG

Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông có các quyền hạn sau đây:

- Thông qua Điều lệ, phương hướng hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Các quyền hạn khác do Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có 05 thành viên, bao gồm: Chủ tịch và 04 thành viên.

Ban Tổng giám đốc

Là cơ quan điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo chính sách, định hướng được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị đề ra trong từng thời kỳ, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát

Là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Các phòng chức năng: thực hiện tham mưu và quản lý chuyên môn.

Các chi nhánh, văn phòng: thực hiện nhiệm vụ kinh doanh theo những lĩnh vực thuộc ngành nghề đã đăng ký kinh doanh của Công ty.

I. THÔNG TIN CHUNG

❖ Về hoạt động sản xuất kinh doanh

- Chủ động, linh hoạt, nhạy bén thích ứng với biến động của thị trường và cơ chế kinh doanh để đạt được mục tiêu kinh doanh; nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua tiết giảm chi phí và sử dụng nguồn lực hợp lý.
- Tổ chức tốt công tác vận tải xăng dầu bảo đảm nguồn cho các đơn vị được Tập đoàn giao nhiệm vụ, khai thác thêm nhu cầu vận tải ngoài nhiệm vụ.
- Kinh doanh xăng dầu các đơn vị cần phải năng động, sáng tạo trong kinh doanh, chủ động bám sát thị trường; tổ chức tốt công tác lập đơn hàng và bảo đảm nguồn để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ Ngành, với chỉ tiêu sản lượng bán 2017 tăng trưởng tối thiểu 10% so với 2016.
- Tiếp tục áp dụng cơ chế khoán sản phẩm đối với từng loại hình kinh doanh trên cơ sở rà soát các định mức, chi phí hợp lý để tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

MỤC TIÊU 2017

❖ Về tài chính

Tăng cường công tác kiểm soát công nợ, bảo đảm an toàn tài chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các khâu từ chi phí văn phòng, sử dụng lao động hợp lý, công tác đầu tư, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả

❖ Về đầu tư

Tiếp tục đầu tư đổi mới nâng cao chất lượng phương tiện vận tải và thay thế dần các xe đã quá cũ/sắp hết niên hạn sử dụng; ưu tiên tập trung đầu tư, phát triển hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu dưới các hình thức xây dựng mới, mua và cải tạo CHXD hiện có của xã hội, thuê cửa hàng. Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD; tăng cường công tác kiểm tra giám sát về PCCC, BVMT, công tác an toàn tiền hàng; đặc biệt công tác bảo đảm an toàn giao thông, an toàn tại các cửa hàng xăng dầu.

I. THÔNG TIN CHUNG

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục giữ vững và ổn định thị phần vận tải trên địa bàn truyền thống của Công ty, đảm bảo tăng trưởng về vận tải từ 5 đến 10% mỗi năm.
- Tăng cường phát triển mạng lưới bán lẻ xăng dầu, sửa chữa nâng cấp cửa hàng xăng dầu nâng cao tỷ trọng hiệu quả kinh doanh xăng dầu trong tổng lợi nhuận của Công ty.
- Tiếp tục củng cố và phát triển các loại hình kinh doanh vật tư phụ tùng, dịch vụ sửa chữa ô tô.
- Mở rộng và phát triển mạnh loại hình kinh doanh tổng hợp theo định hướng của Petrolimex: Bảo hiểm, Gas, nước giặt, sơn, ... và các loại hình kinh doanh thương mại và dịch vụ khác.

Các mục tiêu phát triển bền vững

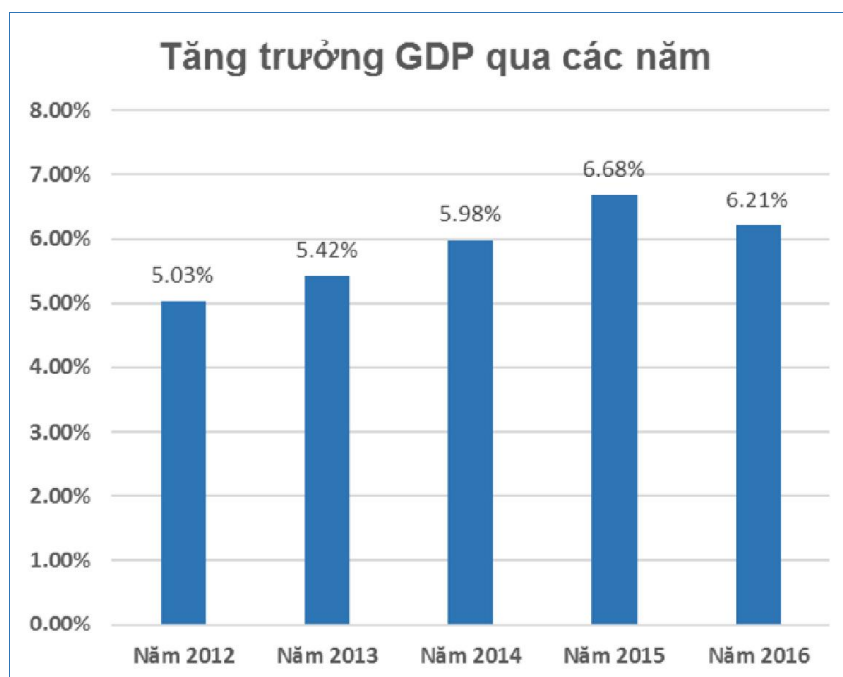
- Phát triển bền vững trên hai lĩnh vực kinh doanh chính là Vận tải xăng dầu và kinh doanh xăng dầu;
- Mở rộng thị trường vận tải trong nước và ra nước ngoài;
- Đầu tư, sửa chữa nâng cấp phương tiện vận tải và cửa hàng xăng dầu để tăng khả năng cạnh tranh;
- Không ngừng nâng cao giá trị doanh nghiệp nhằm mang lại giá trị tối đa cho các cổ đông của Công ty;
- Quan tâm phát triển lợi ích cộng đồng và xã hội.



I. THÔNG TIN CHUNG

❖ *Rủi ro kinh tế*

R Ủ I R O



Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2016 đạt 6,21% không đạt kế hoạch đề ra từ đầu năm là 6,7%. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này vẫn tương đối tốt nếu so với những khó khăn trong năm qua đối với nền kinh tế. Hoạt động kinh doanh của Công ty gắn liền với nhu cầu lưu thông hàng hóa và tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng kinh tế trong năm 2016 tuy cao nhưng vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi bền vững, có thể có những tác động tiêu cực đến nhu cầu tiêu dùng và vận chuyển hàng hóa, tác động trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty.

❖ *Rủi ro về kinh doanh*

Xăng dầu là một yếu tố đầu vào quan trọng cấu thành giá vốn hàng bán (chiếm 35%) của Công ty và chịu nhiều biến động về giá theo nguồn cung trên thị trường. Cụ thể, trong năm 2016, giá dầu thế giới và trong nước tăng mạnh so với năm 2015, dẫn đến làm tăng chi phí nhiên liệu của Công ty. Về kinh doanh xăng dầu, Nguồn hàng duy nhất là từ Petrolimex, kết quả phụ thuộc nhiều vào chính sách điều hành giá xăng dầu trong nước, cơ chế kinh doanh xăng dầu của Petrolimex cũng như những biến động của giá dầu thế giới.

I. THÔNG TIN CHUNG

❖ *Rủi ro cạnh tranh*

Theo xu hướng toàn cầu hóa, Việt Nam tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực như AFTA, WTO, TTP. Đây vừa là động lực cho sự phát triển kinh tế nhưng cũng là thách thức do sự cạnh tranh sẽ gia tăng khi các hãng nước ngoài sẽ gia nhập thị trường Việt Nam ngày một nhiều hơn. Ngành kho vận cũng không phải là ngoại lệ, sức ép cạnh tranh sẽ buộc Công ty phải giảm giá và nâng cao chất lượng dịch vụ....

Doanh thu và kết quả kinh doanh của Công ty nói riêng và Petrolimex nói chung còn chịu rủi ro về cạnh tranh với các đơn vị kinh doanh xăng dầu khác có thù lao cao hơn Petrolimex do: Petrolimex là Tập đoàn kinh tế được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm chính trong việc “bảo đảm đủ xăng dầu cho đất nước trong mọi tình huống” từ hải đảo xa xôi đến miền núi hiểm trở, để đưa được xăng dầu tới những nơi này là cả một hành trình đầy khó khăn, gian khổ, phát sinh nhiều chi phí, chỉ có Petrolimex làm được điều này. Do vậy chi phí kinh doanh của Petrolimex bao giờ cũng cao hơn các đơn vị kinh doanh xăng dầu đầu mối khác.

❖ *Rủi ro pháp luật*

Được thành lập theo Luật doanh nghiệp, Công ty chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam. Trước đây hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn còn thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thì hành không đầy đủ, thiếu tinh cập nhật và chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tình thực thì đôi khi chưa đạt hiệu quả cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn

Kể từ khi trở thành thành viên của WTO, Việt Nam phải tuân theo luật chung và chấp nhận các thay đổi về chính sách thuế xuất nhập khẩu với những ưu đãi về thuế quan. Cho đến nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhập với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới.

R
Ủ
I
R
O

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

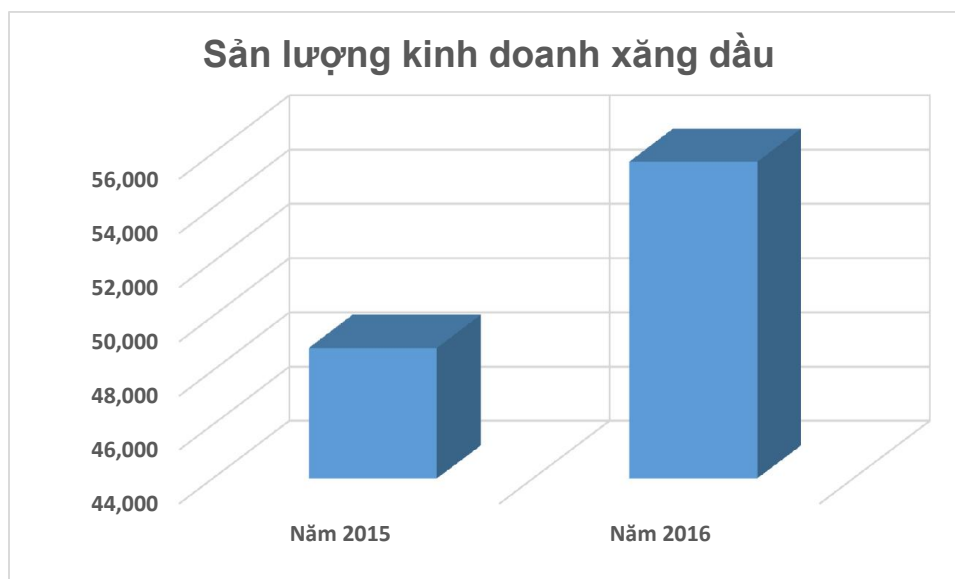
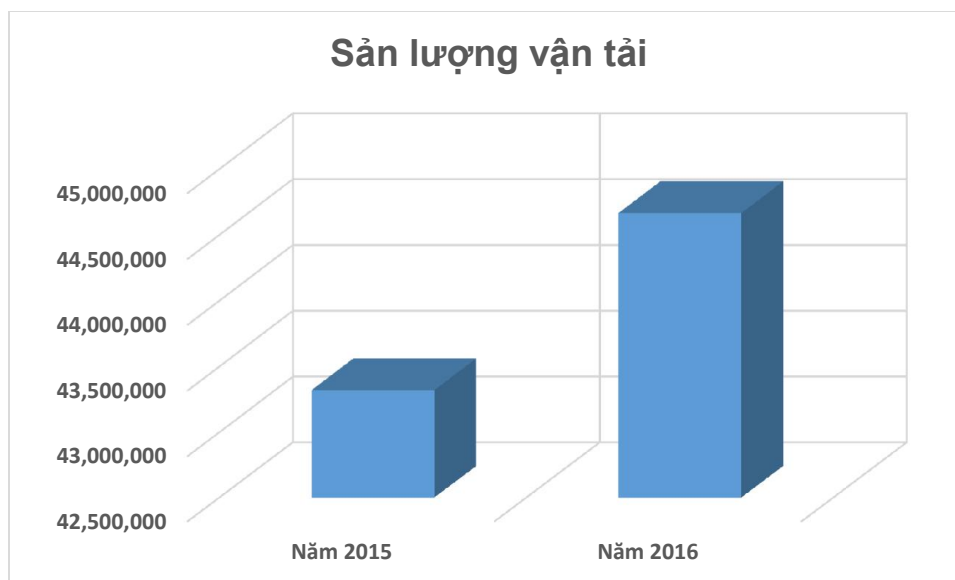
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

❖ Các chỉ tiêu kinh doanh chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	TH 2016	2016 so với 2015
1	Sản lượng thực hiện				
	Sản lượng vận tải	m ³ km	43.320.559	44.665.412	103,1%
	Sản lượng kinh doanh xăng dầu	m ³	48.835	55.690	114,0%
2	Cơ cấu doanh thu				
	Doanh thu bán hàng hóa	Tr.đ	715.741	661.336	92,4%
	Doanh thu bán xăng dầu	Tr.đ	700.662	646.506	92,3%
	Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	Tr.đ	7.456	8.090	108,5%
	Doanh thu bán hàng hóa khác	Tr.đ	7.623	6.739	88,4%
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tr.đ	82.010	80.407	98,0%
	Doanh thu vận tải bộ	Tr.đ	77.461	77.995	100,7%
	Doanh thu xây lắp sửa chữa	Tr.đ	4.242	2.079	49,0%
	Doanh thu dịch vụ khác	Tr.đ	306	333	108,8%
3	Tổng doanh thu hợp nhất	Tr.đ	797.751	741.743	93,0%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đ	2.564	4.189	163,4%
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đ	7.369	9.936	134,8%

Trong năm 2016, tập thể cán bộ, công nhân viên công ty đã rất cố gắng trong việc nâng cao sản lượng kinh doanh của mình, trong cả 2 lĩnh vực vận tải và kinh doanh xăng dầu với mức tăng trưởng theo thứ tự là 3,1% và 14%.

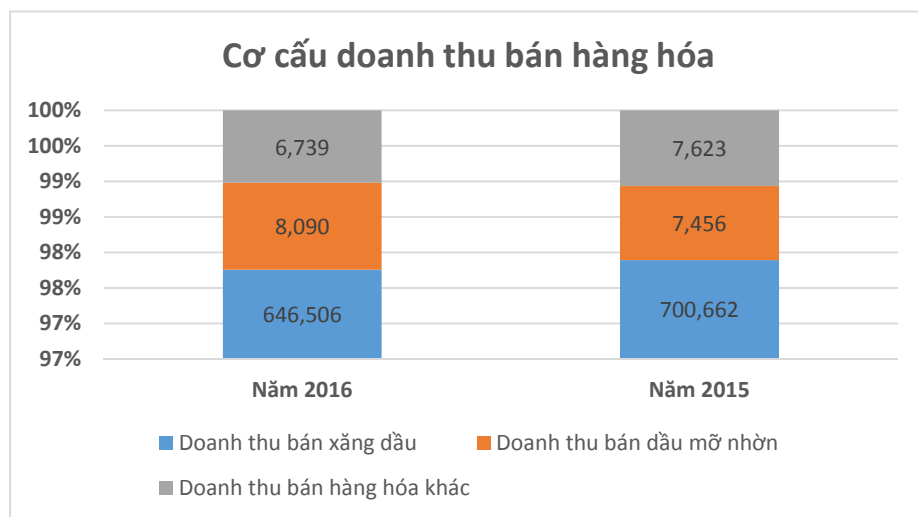
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016



Sự tăng trưởng trong sản lượng vận tải của công ty tăng lên là do sản lượng vận chuyển cho Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình đạt 29,3 triệu m³.km, cao hơn 2% so với năm 2015 và cho Công ty xăng dầu Điện Biên đạt 8,3 triệu m³.km, vượt 10% so với năm 2015. Tổng doanh thu vận tải đạt 77,9 tỷ đồng cao hơn 0,5 tỷ đồng so với năm trước.

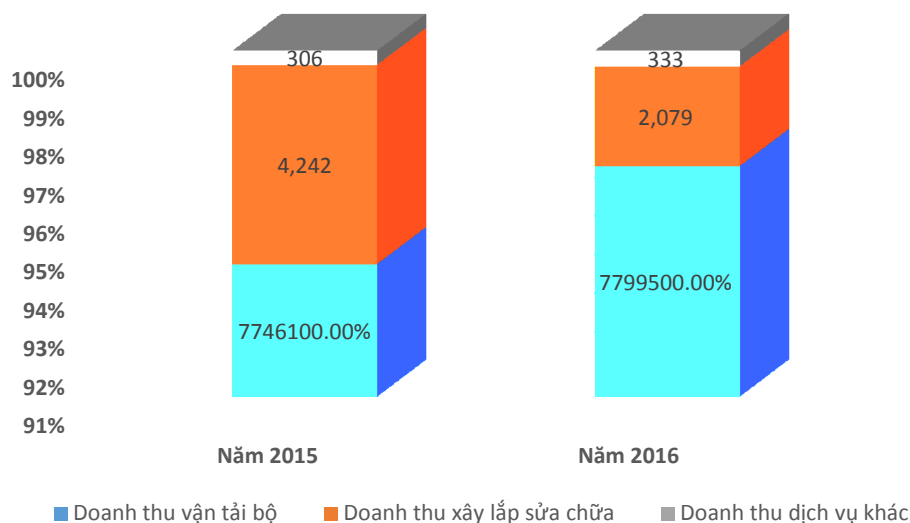
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Hoạt động kinh doanh xăng dầu có sự tăng trưởng trong cả hoạt động bán lẻ, bán buôn, đại lý, nhượng quyền. Sản lượng bán lẻ xăng dầu đạt 26.973 m³ đạt 101,6% kế hoạch và tăng trưởng 5,7% so với năm 2015. Doanh thu từ các hình thức bán hàng khác đạt 28.717 m³ tương đương 116.7% kế hoạch, tăng 23% so với thực hiện năm 2015.



Tuy tổng doanh thu của công ty bị giảm do biến động của giá bán hàng hóa trên thị trường, nhưng lợi nhuận sau thuế của công ty đã tăng đến hơn 63% so với năm 2015, trong đó đóng góp lớn nhất là do thù lao, lãi bán lẻ bình quân 1 lít xăng dầu trong năm 2016 (đã điều chỉnh do theo giá vùng 2 và chênh lệch giá hàng tồn kho do tăng giảm giá) đạt mức 1.139 đồng, tăng vượt trội so với mức 864 đồng trong năm 2015.

Doanh thu cung cấp dịch vụ



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

❖ Các chỉ tiêu so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2016	TH 2016	TH 2016/KH 2016
1	Sản lượng thực hiện				
	Sản lượng vận tải	M ³ km	43.800.000	44.665.412	102,0%
	Sản lượng bán lẻ xăng dầu	M ³	51.150	55.690	108,9%
2	Doanh thu thuần	Tr.đ	773.837	741.743	95,9%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đ	3.000	5.254	175,1%
4	Chia cổ tức	%	12%	15%	125%
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đ	10.080	9.936	98,6%

Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động, tập thể người lao động trong công ty đã cố gắng kết sức để đạt được hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, trong đó ấn tượng nhất là chỉ tiêu về lợi nhuận trước thuế vượt đến 75% so với kế hoạch.

Năm 2016 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được kết quả hết sức khả quan trong điều kiện có những yếu tố thuận lợi như: Chính phủ vận hành đầy đủ Nghị định 83 và bám sát giá xăng dầu thế giới để điều hành thị trường xăng dầu trong nước. Trong năm đã có 23 lần điều chỉnh giá xăng dầu, Công ty được hưởng mức lãi gộp và chênh lệch giá hàng tồn kho tại các thời điểm điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu cao hơn so với năm 2015.

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi thì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu tác động bởi những khó khăn như: Thị trường xăng dầu có sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt do sự gia tăng mạnh mẽ của các thương nhân đầu mối và thương nhân phân phối, tính đến hết năm 2016 cả nước có 29 đầu mối và 120 thương nhân phân phối xăng dầu. Từ 01/01/2016 chi phí Bảo hiểm xã hội công ty phải nộp tăng 2,1 tỷ đồng/năm theo luật Bảo hiểm xã hội mới, chi phí trả tiền thuê đất (18.000 m²) khu A, khu B của công ty là 2,2 tỷ đồng/năm tăng gấp gần 4 lần so với giá thuê đất cũ.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Vũ Quang Tuấn – Chủ tịch HĐQT

- Số CMND: 111301108 do Hà Nội cấp ngày 03/06/2009
- Ngày tháng năm sinh: 01/10/1969
- Nơi sinh: Thanh Trì – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 11C12 Ngõ 2 đường Chiến Thắng, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán; Cử nhân Chính trị; Cử nhân Luật; Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành Thương Mại.
- Quá trình công tác:



1992 - 1996	Chuyên viên Kế toán, Kho xăng dầu K133 – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình.
1996 - 1997	Phó trưởng phòng Kế toán, Xí nghiệp Xăng dầu K133 – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình.
1997 - 1999	Trưởng phòng Kế toán Tài chính, Xí nghiệp Xăng dầu K133 – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình.
10/2000	Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty PTS Hà Tây
2000 - 2005	Phó phòng KTTC, Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình.
2006 - 2011	Trưởng phòng KTTC, Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình.
2012 - 2013	Trưởng phòng Tổng hợp Ban Tài chính kế toán Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

01/04/2013 - 30/06/2014	Kiểm soát viên các công ty, Công ty khu vực 2, Tây Nam Bộ, Bà Rịa - Vũng Tàu và Nghệ An
2014 - 2015	Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình, Giám đốc Chi nhánh Xăng dầu Sơn La
2016 - nay	Chủ tịch Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty PTS Hà Tây

- Số lượng cổ phần sở hữu: 38 210, chiếm 2,4% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2. Ông Lê Tự Cường - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Số CMND: 111439065 do Hà Nội cấp ngày 18/01/2010
- Ngày tháng năm sinh: 15/10/1969
- Nơi sinh: Ứng Hoà – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 28, LK 11, khu đô thị Văn Phú, Phường Văn La, Hà Đông, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác



05/1992 – 12/1993	Nhân viên nghiệp vụ Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
01/1994 – 12/1995	Chuyên viên kinh doanh Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

01/1996 – 09/1996	Phụ trách phòng KD XN XD K133–CTXD Hà Sơn Bình
10/1996 – 09/1999	Trưởng phòng KD XN Xăng dầu K133–CTXD Hà Sơn Bình
10/1999 – 09/2000	Trưởng phòng KD–XN Vận tải&Dịch vụ–CTXD Hà Sơn Bình
10/2000 – 12/2006	Ủy viên HĐQT – Trưởng phòng KD PTS Hà Tây
01/2007 – 04/2012	Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc PTS Hà Tây
04/2012 – 9/2015	Ủy viên HĐQT – Giám đốc PTS Hà Tây
10/2015 - 4/2016	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc PTS Hà Tây
4/2016 - nay	Ủy viên HĐQT – Giám đốc PTS Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ : 27.240 cổ phần (chiếm tỷ lệ 1,70% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3. Ông Nguyễn Tử Bình - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Số CMND:111439607 do CA Hà Tây cấp ngày 21/06/1996
- Ngày tháng năm sinh: 07/01/1971
- Nơi sinh: Hoa Lư – Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phú La, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

01/1995 – 12/1995	Nhân viên cửa hàng DMN - Gas Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
01/1996 – 12/1999	Chuyên viên Phòng kinh doanh Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
01/2000 – 11/2000	Chuyên viên Phòng kinh doanh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
12/2000 – 12/2006	Đội trưởng Vận tải Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
04/2003	Ủy viên BKS Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
01/2007 – 12/2010	Ủy viên BKS – Trưởng phòng kinh doanh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
01/2011 - nay	Phó giám đốc công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ: 23.420 cổ phần (chiếm tỷ lệ 1,46% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

4. Ông Nguyễn Tiến Cường - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

- Số CMND: 012962669 do Hà Nội cấp ngày 25/04/2007
- Ngày tháng năm sinh : 03/05/1973
- Nơi sinh: Thanh Ba – Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 9, tổ 9, phường Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

- Quá trình công tác:

09/1997 – 05/2000	Nhân viên bán xăng dầu Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
06/2000 – 03/2003	Đội phó Vận tải Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
04/2003 – 07/2004	Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hoà Bình
08/2004 – 12/2010	Ủy viên HĐQT – Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hoà Bình
01/2011 – 05/2013	Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hoà Bình
06/2013 – nay	Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ : 30.730 cổ phần (chiếm tỷ lệ 1,92% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

5. Ông Bùi Quốc Hoài – Thành viên HĐQT

- Số CMND: 111687923 do Hà Tây cấp ngày 22/3/2000
- Ngày tháng năm sinh: 15/7/1972
- Nơi sinh: Mộc Châu, Sơn La
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 602 CT6-XD, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:



09/1993 – 11/2002	Nhân viên bán xăng dầu – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
12/2002 – 10/2003	Công nhân giao nhận DMN, Gas - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
11/2003 – 05/2004	Nhân viên bán xăng dầu – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
06/2004 – 03/2008	Nhân viên Đội Vận tải – Công ty PTS Hà Tây
04/2008 – 07/2009	Cửa hàng trưởng CHXD Chi nhánh PTS Hòa Bình – Công ty PTS Hà Tây
08/2009 – 12/2010	Chuyên viên Phòng kinh doanh – Công ty PTS Hà Tây
01/2011 – nay	Đội trưởng Đội vận tải – Công ty PTS Hà Tây
04/2012 - nay	Thành viên HĐQT Công ty PTS Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ : 8.580 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,53% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

BAN KIỂM SOÁT

1. Ông Chu Đức Hậu – Trưởng ban Kiểm soát

- Số CMND : 019174000001 do Hà Nội cấp ngày 28/9/2012
- Ngày tháng năm sinh: 20/10/1963
- Nơi sinh: Gia Phong – Gia Viễn – Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:



04/1990 – 01/1995	Chuyên viên kế toán – Xí nghiệp dầu lửa Đỗ Xá
02/1995 – 03/1995	Phó trưởng phòng kế toán Chi nhánh dầu lửa Đỗ Xá
04/1995 – 12/1995	Phó trưởng phòng kế toán tài chính – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
01/1996 – 7/1996	Trưởng phòng kế toán tài chính Xí nghiệp xăng dầu K133 – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
07/1996 – 12/2005	Phó trưởng phòng kế toán tài chính – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
01/2006 – 05/2006	Phó phòng Quản lý kỹ thuật - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
06/2006 – 03/2016	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
03/2016 – nay	Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ : 800 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,05% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

2. Ông Bùi Trung Định

- Số CMND: 017123352 do CA Hà Nội cấp ngày 26/12/2009
- Ngày tháng năm sinh : 30/8/1975
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 8, TT23, Khu đô thị Văn Phú, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:



06/2001 – 03/2003 Nhân viên Đội vận tải – Công ty PTS Hà Tây

04/2003 – 12/2006 Đội phó Đội Vận tải – Công ty PTS Hà Tây

01/2007 – 12/2010 Đội trưởng Đội Vận tải – Công ty PTS Hà Tây

01/2011 – nay Trưởng phòng Kinh doanh – Công ty PTS Hà Tây

03/2011 - nay Thành viên BKS Công ty PTS Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ : 72.280 cổ phần (chiếm tỷ lệ 4,5% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

3. Ông Ngô Ngọc Vĩnh – Thành viên ban Kiểm soát

- Số CMND: 011621179 do Hà Nội cấp ngày 15/9/2005
- Ngày tháng năm sinh : 13/10/1969
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Ngang, Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:



01/1987 – 03/1993	Công nhân xí nghiệp in – Tổng cục hậu cần
04/1993 – 07/1993	Bảo vệ - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
08/1993 – 06/1994	Đi học nghiệp vụ – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
07/1994 – 04/1996	Công nhân xăng dầu - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
05/1996 – 07/1996	Nhân viên bảo vệ – Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
08/1996 – 12/1999	Lái xe con - Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
01/2000 – 11/2002	Lái xe con - Công ty PTS Hà Tây
12/2000 – 12/2004	Chuyên viên Phòng tổ chức hành chính – Công ty PTS Hà Tây
01/2005 – 12/2006	Phó Phòng tổ chức hành chính – Công ty PTS Hà Tây
01/2007 – nay	Trưởng phòng Tổ chức hành chính – Công ty PTS Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ: 3.400 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ)

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

BAN GIÁM ĐỐC

1. Ông Lê Tự Cường - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc

Đã trình bày ở phần trên

2. Ông Nguyễn Tiến Cường - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Đã trình bày ở phần trên

3. Ông Nguyễn Tử Bình - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Đã trình bày ở phần trên

4. Ông Bùi Văn Thường – Phó Giám đốc

- Số CMND: 111639591 do Hà Nội cấp ngày 26/11/2007
- Ngày tháng năm sinh: 20/12/1961
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Ngang, Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí nông nghiệp
- Quá trình công tác:



05/1987 - 09/1992	Chuyên viên cơ khí, trạm máy kéo Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa
-------------------	--

10/1992 - 12/1999	Chuyên viên phòng Quản lý Kỹ thuật, Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
-------------------	--

07/2000 - 09/2000	Chuyên viên Kỹ thuật, Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ, Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
-------------------	--

10/2000	Ủy viên Ban kiểm soát – Chuyên viên phòng Kinh
---------	--

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

	doanh –Kỹ Thuật, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
11/2000 - 04/2002	Ủy viên Ban kiểm soát - Phó phòng Quản lý kỹ thuật, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
05/2002 - 11/2013	Ủy viên Ban kiểm soát - Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
12/2013 - nay	Phó giám đốc, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ : 10.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,62% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

5. Bà Ngô Thị Vui – Kế toán trưởng

- Số CMND: 036173000003 do Cục CSQLHC về TTXH
- cấp ngày 06/11/2012
- Ngày tháng năm sinh: 03/11/1973
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 206 ngõ Văn Chương, Văn Chương,
- Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

01/1994 -12/1999	Nhân viên thống kê kế toán, Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình
01/2000 - 09/2000	Nhân viên KTTC, Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình
10/2000 - 03/2007	Chuyên viên phòng KTTC, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
04/2007 - 04/2016	Phó phòng kế toán tài chính, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
05/2016 – nay	Kế toán trưởng, Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- Số cổ phần nắm giữ: 7.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 0,44% vốn điều lệ)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

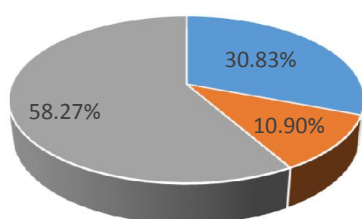
❖ Lao động và chính sách lao động

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	82	30,8%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	29	10,9%
3	Lao động phổ thông	155	58,3%
II	Theo hợp đồng lao động		
1	Lao động toàn thời gian	266	100,0%
2	Lao động bán thời gian	0	0,0%
III	Theo giới tính		
1	Nam	185	69,6%
2	Nữ	81	30,4%
Tổng cộng		266	100,0%



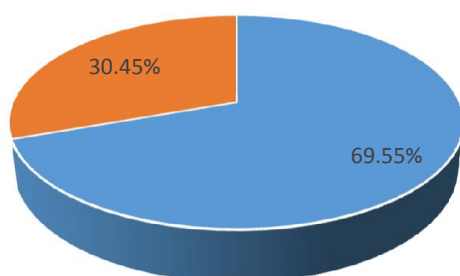
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Trình độ lao động



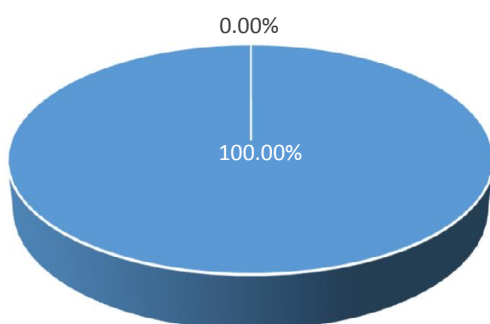
- Trình độ Đại học và trên Đại học
- Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp
- Lao động phổ thông

Theo giới tính



- Nam
- Nữ

Theo hợp đồng lao động



- Lao động toàn thời gian
- Lao động bán thời gian

Chính sách đối với người lao động

Công ty chủ trương sử dụng lao động tiết kiệm, hiệu quả; Phát triển nguồn nhân lực có tính chất kế thừa và đảm bảo cơ cấu lao động hợp lý, nâng cao trình độ và kỹ năng làm việc theo hướng chuyên nghiệp; Điều kiện làm việc được đảm bảo, luôn nâng cao đời sống vật chất tinh thần, tạo động lực cho người lao động làm việc luôn gắn bó lâu dài với Công ty; Thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể và các chế độ chính sách khác theo thỏa ước lao động tập thể.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

STT	Hạng mục đầu tư	Khối lượng	KH 2016 (trđ)	TH 2016 (trđ)	TH/KH (%)
A	Đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư		10.080	9.936	98
1	Xe ô tô Xitec	5 xe	9.200	9.274	100,8
	- Xe Huyndai 25m3	2 xe		5.134	
	- Xe HINO FM 18m3	2 xe		3.629	
	- Xe bán hàng lưu động 3m3	1 xe		511	
2	Xe tải chở DMN 2,5 tấn	1 xe		337	
3	Cột bơm xăng dầu	03 cột	480	209	
4	Máy photo	01 cái		82	
5	Tivi Samsung hội trường Cty	01 cái		34	
B	Các hạng mục sửa chữa lớn đầu tư bằng nguồn chi phí			2.043	
1	Sửa chữa, cải tạo CHXD	04 CH		1.591	
	- Cải tạo CHXD Lâm Sơn			400	
	- Cải tạo CHXD Ba Hàng Đồi			252	
	- Cải tạo CHXD Đồng Mai			904	
	- Xây tường rào CHXD Tân Dân			35	
2	Cải tạo quy hoạch khu B công ty			452	

Năm 2016, Công ty đã cơ bản hoàn thành kế hoạch đầu tư với tổng vốn đầu tư

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

là 9.936 triệu đồng. Các hạng mục đầu tư chủ yếu là mua mới xe ô tô sitec thay thế các xe hết niên hạn sử dụng.

4. Tình hình tài chính

❖ *Tình hình tài chính*

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	+/- %
1	Tổng giá trị tài sản	85.310	93.484	+9,6%
2	Doanh thu thuần	797.751	741.743	-7%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.236	5.127	+58,4%
4	Lợi nhuận khác	134	127	-5,2%
5	Lợi nhuận trước thuế	3.370	5.254	+56%
6	Lợi nhuận sau thuế	2.564	4.189	+63,3%

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31.12.2016 là 93.484 triệu đồng, tăng so với năm 2015 là 8.174 triệu đồng. Trong đó:

- Tài sản dài hạn tăng 5% so với năm 2015 do Công ty đầu tư mới tài sản cố định chủ yếu là mua mới xe ô tô xitec thay thế các xe hết niên hạn sử dụng.
- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 14% so với năm 2015. Tuy nhiên, không có công nợ dây dưa khó đòi hoặc mất khả năng thanh toán.
- Hàng tồn kho tăng 36% so với năm 2015 do giá vốn xăng dầu tăng.

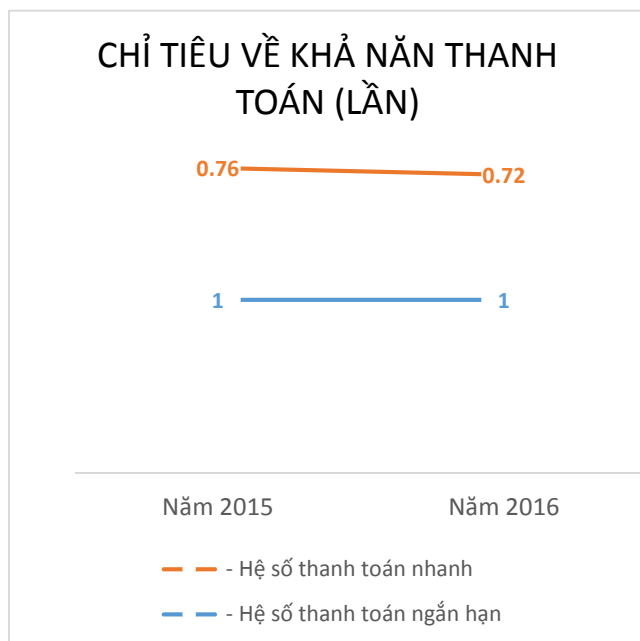
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

❖ Một số chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	lần	1,00	1,00
- Hệ số thanh toán nhanh (=(TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	lần	0,76	0,72
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	lần	0,66	0,67
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	1,91	2,02
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (=Giá VHB/hàng tồn kho bq)	vòng	147,6	114,1
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	9,4	7,93
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,32	0,56
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	8,7	13,5
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	3,0	4,5
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	%	0,4	0,7

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Khả năng thanh toán



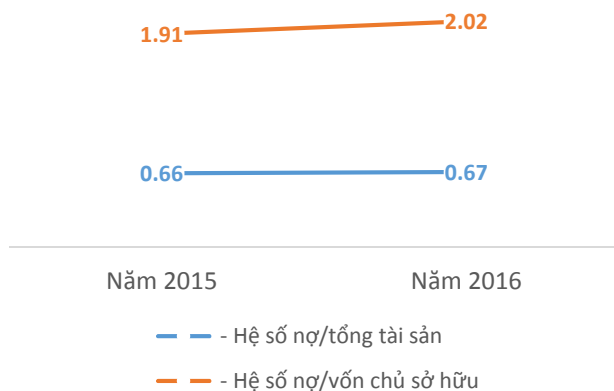
Trong 2 năm 2015 và 2016, hệ số về khả năng thanh toán của công ty không có sự biến động lớn. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn của cả 2 năm đều bằng 1, cho thấy công ty đã sử dụng toàn bộ nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ cho tài sản ngắn hạn, nhờ đó công ty đã tận dụng được tối đa hiệu quả của vốn, đồng thời vẫn có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của mình.

Hệ số thanh toán nhanh của công ty giảm nhẹ từ 0,76 năm 2015 xuống 0,72 năm 2016, cho thấy sự biến động này là không nhiều. Theo lý thuyết, chỉ số thanh toán nhanh thể hiện việc công ty sử dụng các khoản tài sản ngắn hạn ngoại trừ hàng tồn kho, bởi đây là loại tài sản ngắn hạn có khả năng thanh khoản kém hơn so với các loại tài sản ngắn hạn khác, để thanh lý các khoản nợ đến hạn. Nếu hệ số này nhỏ hơn 1 thì thông thường các công ty sẽ gặp khó khăn khi phải thanh toán các khoản nợ của mình tuy nhiên, do đặc thù của công ty là kinh doanh xăng dầu, là một mặt hàng thiết yếu, có nhu cầu cao trên thị trường nên so với các doanh nghiệp thuộc các ngành kinh doanh khác thì hàng tồn kho của công ty cũng có khả năng thanh khoản cao hơn, nên đây cũng không phải là vấn đề quá lớn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Cơ cấu vốn

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN (LẦN)

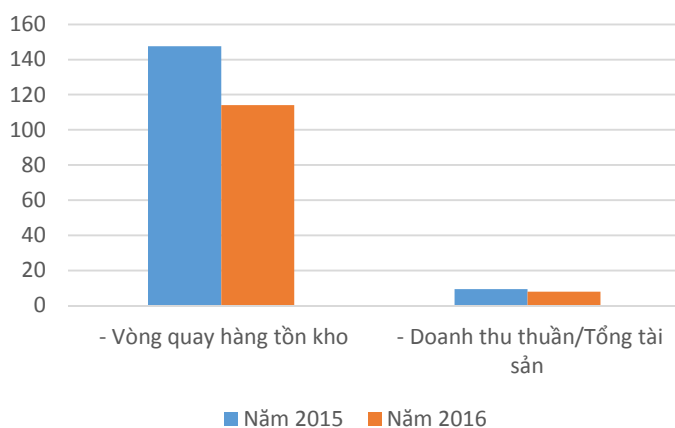


Cơ cấu vốn của công ty khá ổn định trong 2 năm trở lại đây. Hệ số nợ/Tổng tài sản đều ở mức 0,66 – 0,67 và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu xấp xỉ ở mức 2 cho thấy công ty sử dụng chủ yếu là nợ để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của mình. Tuy nhiên, do công ty kinh doanh trong lĩnh vực thương mại (kinh doanh

xăng dầu) và cung cấp dịch vụ, chính vì vậy, việc sử dụng nhiều nợ để tài trợ cho hoạt động kinh doanh cũng là điều phổ biến.

Năng lực hoạt động

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG (VÒNG)



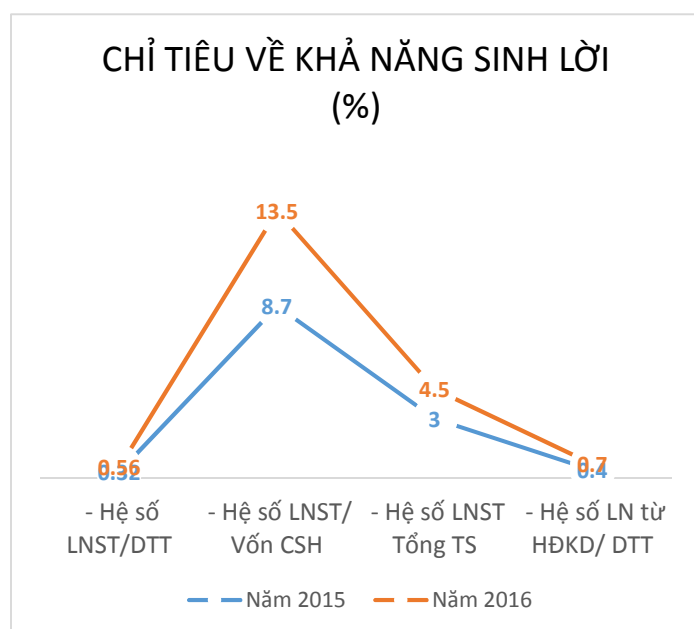
Vòng quay HTK giảm từ 147,6 vòng xuống còn 114,1 vòng trong 2 năm 2015 – 2016. Điều này cho thấy rằng tốc độ quay vòng của hàng hóa trong kho của công ty đã bị giảm đi đáng kể, tương ứng khoảng 22,7%. Tuy nhiên, sự giảm sút trong chỉ số này cũng không phải là vấn đề lớn đối với công ty lúc này vì hàng tồn kho cuối kì của công ty tăng rất

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

mạnh (37,7%) so với đầu kỳ, tốc độ này lớn hơn rất nhiều so với mức giảm của giá vốn hàng bán (xấp xỉ 9%).

Doanh Thu Thuần/Tổng TS của doanh nghiệp giảm sau các năm. Vì vậy Công ty cần xét để nâng cao hiệu quả của việc sử dụng tài sản vào các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Khả năng sinh lời



Các chỉ số về khả năng sinh lời của công ty trong năm 2016 đều có sự tăng ấn tượng so với năm 2015. Nguyên nhân là do lợi nhuận sau thuế của công ty tăng lên mạnh từ 2,56 tỷ lên 4,19 tỷ. Trong báo cáo của ban Giám đốc, thành tích này đạt được là vì Công ty được hưởng mức lãi gộp và chênh lệch giá hàng tồn kho tại các thời điểm điều chỉnh

giá bán lẻ xăng dầu cao hơn so với năm 2015.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

❖ **Cổ phần:** Tính đến hết ngày 31/12/2016, Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hà Tây đã phát hành 1,600,000 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phổ thông: 1.600.000 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành: 1,600,000 cổ phiếu

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng

Cơ cấu cổ đông của công ty

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (mệnh giá)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn	816.000	8.160.000.000	51	01
2	Cổ đông nhỏ	784.000	7.840.000.000	49	193
	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng				
1	Cổ đông trong nước	1.600.000	16.000.000.000	100	194
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng	1.600.000	16.000.000.000	100	194
1	Cổ đông tổ chức	818.740	8.187.400.000	51,17	02
2	Cổ đông cá nhân	781.260	7.812.600.000	48,83	192
	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng	1.600.000	16.000.000.000	100	194

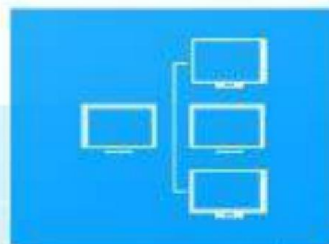
❖ Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Số 1 phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Hà Nội	816,000	51%

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC



Manufacturing
Supply chain
Product
Cargo
Customer
Delivery
Inventory
Management
Freight

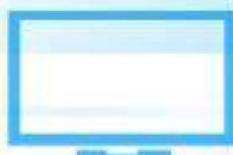
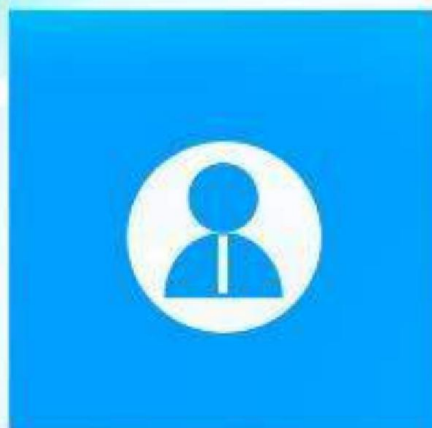


100000
10000
3000



ation
ling
on
eting
sis

ess
gement



III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2016

Năm 2016 là một năm đầy thử thách đối với nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng.

Trên phạm vi toàn cầu, những bất ổn về chính trị và xã hội tại một số nền kinh tế đầu tàu đã ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế thế giới năm qua. Tiêu biểu là việc Anh trưng cầu ý dân để rời khỏi EU hay sự kiện Tổng thống Mỹ - Donald Trump đắc cử đã gây ra những cú sốc cho hệ thống tài chính trên thế giới. Bên cạnh đó, làn sóng bảo hộ mậu dịch đang có xu hướng gia tăng dẫn đến kim ngạch thương mại toàn cầu có nguy cơ sụt giảm.

Kinh tế Việt Nam năm 2016 cũng không nằm ngoài bức tranh đó. Ngoài việc, việc chịu ảnh hưởng từ các tác động xấu của kinh tế thế giới, năm qua Việt Nam phải còn gánh chịu những thiệt hại nặng nề của hạn hán, lũ lụt và các sự cố môi trường. Điều này dẫn đến tốc độ tăng trưởng GDP và một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô khác đã không đạt như chỉ kế hoạch ra.

Năm 2016 hoạt động SXKD của Công ty đạt được kết quả hết sức khả quan trong điều kiện có những yếu tố thuận lợi như: Chính phủ vận hành đầy đủ Nghị định 83 và bám

sát giá xăng dầu thế giới để điều hành thị trường xăng dầu trong nước. Trong năm đã có 23 lần điều chỉnh giá xăng dầu, Công ty được hưởng mức lãi gộp và chênh lệch giá hàng tồn kho tại các thời điểm điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu cao hơn so với năm 2015.

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi thì hoạt động SXKD của Công ty cũng chịu tác động bởi những khó khăn như: Thị trường xăng dầu có sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt do sự gia tăng mạnh mẽ của các thương nhân đầu mối và thương nhân phân phối, tính đến hết năm 2016 cả nước có 29 đầu mối và 120 thương nhân phân phối xăng dầu. Từ 01/01/2016 chi phí BHXH công ty phải nộp tăng 2,1 tỷ đồng/năm theo luật BHXH mới, chi phí trả tiền thuê đất (18.000 m²) khu A, khu B của công ty là 2,2 tỷ đồng/năm tăng gấp gần 4 lần so với giá thuê đất cũ.

Tuy nhiên với việc triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp ngay từ đầu năm, hoạt động KDXD bám sát diễn biến thị trường và cơ chế điều tiết lãi gộp của Tập đoàn, cùng với sự nỗ lực cố gắng vượt bậc của Công ty và các đơn vị, kết quả đạt được của Công ty năm 2016 hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch được giao, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY NĂM 2016

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% Tăng giảm
	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	25.389	29,8%	30.509	32,6%	+ 20,2%
Tài sản dài hạn	59.920	70,2%	62.974	67,4%	+ 5,1%
Tổng tài sản	85.310	100,0%	93.484	100,0%	+ 9,6%

Tổng tài sản của công ty tăng 9,6% so với năm 2015, đóng góp bởi sự tăng trưởng của cả tài sản ngắn hạn và dài hạn.

Các yếu tố trong tài sản ngắn hạn của công ty đều tăng lên, trong đó đáng kể nhất là các khoản phải thu ngắn hạn tăng từ 18,2 tỷ vào cuối năm 2015 lên 20,8 tỷ cùng kỳ năm 2016 (tương ứng 14,3%), hàng tồn kho tăng từ 5 tỷ lên 6,9 tỷ (mức tăng 37%) và Tiền mặt từ 1,1 tỷ lên 1,48 tỷ (tăng 34%). Nguyên nhân dẫn đến điều này là do công ty trong năm vừa qua đã tăng cường đẩy mạnh công tác bán hàng, tăng cường mua thêm hàng hóa dự trữ khi giá xăng dầu đang ở mức thấp. Việc khoản phải thu khách hàng tăng lên cũng là một yếu tố cần xem xét, tuy nhiên xét trong tổng thể thì tốc độ tăng của khoản phải thu vẫn nhỏ hơn so với tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn nói chung. Chính vì vậy, nhà đầu tư vẫn có thể yên tâm về hoạt động bán hàng của công ty trong thời gian sắp tới.

Tài sản dài hạn của công ty tăng nhẹ, chủ yếu là do công ty đầu tư mua mới các phương tiện vận tải phục vụ việc vận chuyển hàng hóa đến cho người bán. Ngoài ra, có một điểm đáng chú ý là các khoản phải thu dài hạn đã giảm xuống còn một nửa, từ 64,5 triệu xuống còn 32,6 triệu trong năm 2016. Mặc dù khoản mục này chiếm tỷ trọng không lớn, nhưng cũng cho thấy rằng công ty đang có chính sách thu hồi các khoản nợ khá tốt.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% Tăng/ Giảm
	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đ)	Tỷ trọng(%)	
Nợ ngắn hạn	25.405	45,3	30.683	49,0	+ 20,7%
Nợ dài hạn	30.623	54,7	31.893	51,0	+ 9,4%
Tổng nợ phải trả	56.029	100,0	62.578	100,0	+ 11,7%

Trong năm 2016, các chỉ tiêu Nợ ngắn hạn, Nợ dài hạn và Tổng nợ phải trả đều có xu hướng tăng lên so với năm 2015. Mặc dù nợ ngắn hạn có tốc độ tăng nhanh hơn tuy nhiên Nợ dài hạn vẫn chiếm phần nhiều hơn trong cơ cấu Nợ phải trả của công ty. Điều này cũng dễ hiểu khi mà tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn so với tài sản ngắn hạn trong cơ cấu tổng tài sản, nên việc công ty sử dụng gần như toàn bộ nguồn vốn ngắn hạn tài trợ cho tài sản ngắn hạn là một việc làm đúng đắn, mang lại hiệu quả sử dụng vốn ở mức cao.

Trong năm 2016, chỉ có khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn của công ty là giảm xuống từ 2 tỷ xuống 1,15 tỷ đồng, khoản mục phải trả ngắn hạn người bán giữ nguyên thì các khoản mục khác đều chứng kiến một sự tăng lên. Cụ thể:

- Các khoản thuế và phải nộp nhà nước tăng từ 567 triệu lên 1,4 tỷ đồng
- Chi phí phải trả ngắn hạn tăng 121 triệu đồng
- Vay và nợ thuê tài chính tăng từ 19,9 tỷ lên 24 tỷ đồng
- Công ty trích lập hơn 1 tỷ đồng dự phòng phải trả ngắn hạn (dự phòng 4% quỹ tiền lương NLĐ cho năm 2017)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng từ 199,6 triệu lên 334,7 triệu đồng.

Nợ dài hạn trong năm 2016 đạt mức gần 31,9 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,3 tỷ đồng so với năm 2015. Nợ dài hạn của công ty chỉ duy nhất đến từ các khoản phải trả dài hạn.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

3. NHÌN LẠI NHỮNG THÀNH TỰU, TIẾN BỘ CỦA CÔNG TY NĂM 2016

Có được những thành quả này là nhờ vào sự quyết tâm, đồng lòng của cả Bộ máy lãnh đạo cũng như toàn thể CBCNV của Công ty. Điều này được thể hiện qua những điểm nổi bật sau:

- Rà soát sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ công ty phù hợp với các quy định của Nhà Nước, quy chế của Tập đoàn và tình hình thực tiễn của công ty.
- Tiếp tục áp dụng cơ chế khoán sản phẩm đối với từng loại hình kinh doanh trên cơ sở rà soát các định mức, chi phí hợp lý nhằm tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra sát sao công tác an toàn kỹ thuật, an toàn PCCC, BVMT và an toàn VSLĐ. Nâng cao ý thức trách nhiệm chấp hành quy định của pháp luật, nội quy quy chế và của công ty, bảo đảm an toàn trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chỉ đạo công tác kiểm tra, kiểm soát các chi nhánh, cửa hàng xăng dầu theo định kỳ 6 tháng và năm có báo cáo đánh giá đầy đủ, chi tiết về kết quả thực hiện việc chấp hành các quy định của Nhà nước, Công ty và chỉ ra những thiếu sót khuyết điểm các đơn vị cần khắc phục. Tổ chức kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm/và thông tin khách hàng phản ánh để phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế của công ty đồng thời có văn bản nhắc nhở, chấn chỉnh các cá nhân, đơn vị chấp hành quy định.
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các khâu từ chi phí văn phòng, sử dụng lao động hợp lý, công tác đầu tư, chi phí cải tạo sửa chữa, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

4. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

4.1. Chỉ tiêu kế hoạch 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	% TH 2016
1	Sản lượng thực hiện: - Sản lượng vận tải - Sản lượng bán XD <i>Trong đó: Bán lẻ XD</i>	M ³ km M ³ M ³	46.900.000 55.000 26.300	105% 98.8% 98.0%
2	Doanh thu thuần	Tr.đ	908.520	122
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	3.800	72.3%
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	15	100%
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đ	16.830	169%

4.2. Giải pháp thực hiện

- Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD; không ngừng tăng cường công tác kiểm tra giám sát về PCCC, BVMT, công tác an toàn tiền hàng, công tác bảo đảm an toàn giao thông, an toàn tại các cửa hàng xăng dầu.
- Công tác kinh doanh:
 - Chủ động, linh hoạt, nhạy bén thích ứng với biến động của thị trường và cơ chế kinh doanh để đạt được mục tiêu kinh doanh; nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua tiết giảm chi phí và sử dụng nguồn lực hợp lý.
 - Tổ chức tốt công tác vận tải xăng dầu bảo đảm nguồn cho các đơn vị được Tập đoàn giao nhiệm vụ, khai thác thêm nhu cầu vận tải ngoài nhiệm vụ.
 - Kinh doanh xăng dầu các đơn vị cần phải năng động, sáng tạo trong kinh doanh, chủ động bám sát thị trường; tổ chức tốt công tác lập đơn hàng và bảo đảm nguồn để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ Ngành, với chỉ tiêu sản lượng bán 2017 tăng trưởng tối thiểu 10% so với 2016.
- Tiếp tục áp dụng cơ chế khoán sản phẩm đối với từng loại hình kinh doanh trên cơ sở rà soát các định mức, chi phí hợp lý để tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
- Công tác tài chính: Tăng cường công tác kiểm soát công nợ, bảo đảm an toàn tài chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các khâu từ chi phí văn phòng, sử dụng lao động hợp lý, công tác đầu tư, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.
- Tiền lương tiếp tục được xác định gắn với NSLĐ và hiệu quả; thực hiện nguyên tắc NSLĐ tăng thì tiền lương tăng, NSLĐ giảm thì tiền lương giảm.
- Công tác đầu tư: Tiếp tục đầu tư đổi mới nâng cao chất lượng phương tiện vận tải và thay thế dần các xe đã quá cũ/sắp hết niên hạn sử dụng; ưu tiên tập trung đầu tư, phát triển hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu dưới các hình thức xây dựng mới, mua và cải tạo CHXD hiện có của xã hội, thuê cửa hàng. Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD; tăng cường công tác kiểm tra giám sát về PCCC, BVMT, công tác an toàn tiền hàng; đặc biệt công tác bảo đảm an toàn giao thông, an toàn tại các cửa hàng xăng dầu.



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 1. Đánh giá tổng quản về kinh tế vĩ mô và môi trường kinh doanh*
- 2. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty*
- 3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty*
- 4. Định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2017*



IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá tổng quan về kinh tế vĩ mô và môi trường kinh doanh

Năm 2016 là một năm với nhiều khó khăn và thách thức đối với kinh tế toàn cầu. Trong năm nay đã có nhiều sự kiện có tác động mạnh mẽ đến tình hình kinh tế thế giới. Tuy nhiên, về tổng thể thì kinh tế thế giới vẫn có các động thái tích cực. Trong khi hai đầu tàu kinh tế là Mỹ và Trung Quốc vẫn duy trì được mức tăng trưởng tốt thì kinh tế Châu Âu và Nhật Bản đã có những dấu hiệu khởi sắc. Theo số liệu của World Bank, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2016 là 2,7% - tăng nhẹ so với năm 2015. Năm 2016 cũng đánh dấu những diễn biến khó lường trong các vấn đề chính trị, xã hội toàn cầu như vấn đề nhập cư, Brexit hay những chính sách mới của tân Tổng thống Mỹ Donald Trump. Những điều này hứa hẹn một năm 2017 đầy thử thách với nhiều vấn đề cần giải quyết.

Đối với kinh tế Việt Nam, theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng đạt 6,21% vẫn thấp hơn so với kế hoạch đặt ra đầu năm của Chính phủ là 6,7% và so với năm 2015 là 6,68%. Trong khi đó, lạm phát được duy trì ở mức 4,74% - trong phạm vi cho phép 5% của Quốc Hội. Cũng trong năm 2016, Việt Nam xuất siêu 2,6 tỷ USD

với tổng kim ngạch Xuất Nhập khẩu đạt hơn 349 tỷ USD, tăng 6,5% so với 2015. Kết quả trên là rất đáng trân trọng đặc biệt là khi kinh tế nước gặp phải nhiều khó khăn từ kinh tế thế giới cũng phải giải quyết các vấn đề nội tại.

Trong khi đó đó, đối với ngành Vận tải - Logistics, năm vừa qua quả thực là một năm có nhiều biến động. Một mặt, xu hướng phát triển của tự do hóa thương mại quốc tế với ngày càng nhiều hiệp định thương mại tự do được ký kết. Ngược lại, xu hướng bảo hộ mậu dịch lại gia tăng ở một số quốc gia, nhóm quốc gia trên thế giới. Cũng trong năm qua, chứng kiến nhiều hãng tàu trên thế giới bị phá sản, sáp nhập hoặc cắt giảm chi phí. Tất cả những điều này đã góp phần tạo nên bức tranh ngành Vận tải – Logistics với nhiều màu sắc trong năm 2016.

Là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực vận tải xăng dầu, công ty đã tận dụng những lợi thế của mình như duy trì ổn định theo phân công, giao nhiệm vụ thị trường vận chuyển và giá cước của Tập đoàn (giữ nguyên như các năm trước đây).

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động kinh doanh xăng dầu thực hiện theo Nghị định 83/NĐ-CP của Chính phủ và Quy chế kinh doanh xăng dầu của Tập đoàn. Thù lao/lãi gộp được duy trì ổn định, chênh lệch giá hàng tồn kho tại các thời điểm tăng giảm giá bán lẻ xăng dầu cao hơn so với năm 2015. Do có sự định hướng, chỉ đạo điều hành sâu sát của HĐQT, Kinh doanh xăng dầu năm 2016 đạt hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, công ty cũng gặp phải một số khó khăn như: Từ 01/01/2016 thực hiện luật BHXH mới làm phát sinh tăng chi phí 2,1 tỷ đồng. Chi phí trả tiền thuê đất của 18.000 m² đất khu vực văn phòng Công ty theo giá quy định mới của Nhà Nước là 2,2 tỷ đồng/năm, tăng gấp 4 lần

so với các năm trước. Chi phí vận tải phát sinh gia tăng do bắt buộc phải thực hiện các quy định mới của Nhà Nước về điều kiện kinh doanh vận tải như: tải trọng xe, điều chỉnh phân loại và lệ phí đường bộ, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, các điều kiện về tăng cường an toàn PCCC, BVMT, ...

Trước tình hình đó, HĐQT đã tích cực, chủ động đưa nhiều giải pháp hữu hiệu, đồng bộ và tăng cường chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vượt qua những khó khăn thách thức để hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng Cổ đông giao cho.

2. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động kinh doanh trong năm 2016 vừa qua của công ty có nhiều kết quả khả quan: Tổng sản lượng vận tải xăng dầu đạt 44,6 triệu m³.km vượt 2% so với kế hoạch đề ra và tăng trưởng 3% so với năm 2015. Sản lượng kinh doanh xăng dầu đạt 55.690 m³, bằng 108,% kế hoạch và 114% so với cùng kỳ năm ngoái. Điều này cho thấy việc kinh doanh của công ty

đã đạt nhiều tiến bộ, hàng hóa và dịch vụ cung cấp nhiều hơn so với trước, chứng tỏ công ty ngày càng có uy tín với khách hàng và thị phần của công ty đang được mở rộng.

Lợi nhuận trước thuế của công ty tăng 75% và lợi nhuận sau thuế tăng 63% là những con số ấn tượng, cho thấy công ty đã tận dụng được những lợi thế khi giá

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

đầu giảm sút để tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông.

Năm 2016, HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. HĐQT đã bám sát tình hình thực tế của công ty để triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. HĐQT đã đưa ra và triển khai nhiều giải pháp phù hợp nhằm tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Công ty và thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ

Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức họp 06 phiên và 03 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để quyết định các nội dung thuộc chức trách, nhiệm vụ. Một số công việc chính như sau:

- ✓ Rà soát, phân công lại nhiệm vụ hợp lý, cụ thể, rõ ràng đối với các thành viên HĐQT, có quy định, cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá, quá trình thực hiện nhiệm vụ đã phân công của từng thành viên HĐQT và người quản lý công ty
- ✓ Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác trình Đại hội đồng cổ đông 2016 thông qua.
- ✓ Giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2016 cho các đơn vị trực thuộc Công ty.
- ✓ Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng quý và năm 2016.
- ✓ Sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 trình Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua.
- ✓ Sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam để quản lý, giám sát, điều hành hoạt động của Công ty. Xây dựng được hệ thống quản trị nội bộ, đáp ứng mục tiêu minh bạch, kịp thời thông tin với cổ đông và nhà đầu tư.
- ✓ Quyết định đầu tư 05 xe ô tô xitec với tổng trị giá 9.274 trđ để thay thế các xe hết niên hạn sử dụng theo quy định của Nhà nước.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✓ Chỉ đạo công tác đầu tư cải tạo, sửa chữa nâng cấp, tăng cường dấu hiệu nhận diện thương hiệu Petrolimex, tạo thuận lợi, lợi thế thương mại để gia tăng sản lượng bán lẻ các CHXD.
- ✓ Chỉ đạo, định hướng tăng cường công tác tiếp thị, gia tăng sản lượng, phát triển thị phần, đặc biệt là sản lượng bán lẻ xăng dầu; tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh dịch vụ hàng hóa khác ngoài xăng dầu.
- ✓ Chỉ đạo tập trung nguồn lực giữ các cửa hàng xăng dầu hiện có và tăng cường công tác phát triển cửa hàng xăng dầu mới; phê duyệt chủ trương đầu tư để tiến hành các thủ tục xây dựng 01 CHXD trên quốc lộ 32, Thành phố Hà Nội, dự kiến sẽ triển khai đầu tư xây dựng trong năm 2017.
- ✓ Chỉ đạo triển khai phương án khai thác, hợp tác kinh doanh 9.819m² đất khu B của Công ty tại Đồng Mai - Hà Đông - Hà Nội để bù đắp chi phí thuê đất phải nộp hàng năm và có lãi.
- ✓ Tổ chức và/phối hợp tổ chức hội nghị sơ kết 6 tháng, hội nghị tổng kết năm 2016, hội nghị người lao động 2017 của Công ty.
- ✓ Rà soát, chỉ đạo, định hướng công tác xây dựng kế hoạch và giao kế hoạch năm 2017
- ✓ Chuẩn bị nội dung và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, HĐQT đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi sát sao hoạt động của Giám đốc và người quản lý, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động điều hành của Giám đốc, các thành viên Ban Giám đốc Công ty. HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Giám đốc thông qua đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2016, quyết định những mục tiêu cụ thể và đề ra các chủ trương, định hướng và giải pháp trọng tâm để Giám đốc công ty tổ chức triển khai thực hiện

Trong năm 2016, theo chỉ đạo của HĐQT, Ban điều hành đã chỉ đạo quyết liệt và thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ. Nhiều mặt hoạt động của công ty được đặc biệt quan tâm như: công tác đầu tư; tiết giảm, sử dụng hợp lý chi phí; rà soát, ban hành kịp thời các định mức kinh tế kỹ

thuật (khoản chi phí vận tải, cơ chế khoán kinh doanh cho các đơn vị...); quản lý chặt chẽ công nợ, bảo đảm an toàn tài chính và hiệu quả kinh doanh...

Nhìn chung năm 2016, Giám đốc, các thành viên Ban giám đốc và người quản lý doanh nghiệp đã thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các chỉ đạo, nghị quyết, quyết định của HĐQT. HĐQT ghi nhận và đánh giá cao những thành tích và kết quả điều hành sản xuất kinh doanh năm 2016 của Ban Giám đốc Công ty.

4. Định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2017

Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, HĐQT sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị Công ty, phấn đấu thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội cổ đông, Công ty hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2017, đảm bảo kinh doanh hiệu quả, an toàn, duy trì sự ổn định, phát triển bền vững của công ty trong năm 2017 và các năm tiếp theo. Quá trình thực hiện sẽ tập trung vào các vấn đề lớn sau:

- Chỉ tạo tổ chức tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, khách hàng, tăng hiệu quả, chất lượng dịch vụ, giảm giá thành vận tải, gia tăng sản lượng, năng suất lao động và đẩy mạnh phát triển kinh doanh hàng hóa khác.
- Tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, công nợ để tăng năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động và giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tiếp tục đầu tư thay thế dần phương tiện vận tải đã quá cũ và sắp hết hạn sử dụng theo quy định của nhà nước, không đầu tư dàn trải và đảm bảo hiệu quả
- Tiếp tục tìm kiếm địa điểm để đầu tư xây dựng của hàng xăng dầu đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của Công ty
- Tiếp tục tăng cường công tác đảm bảo an toàn mọi mặt hoạt động của Công ty.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY



V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Thành viên hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Vũ Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT	38.210	2,4
2	Lê Tự Cường	Thành viên HĐQT	27.240	1,7
3	Nguyễn Tử Bình	Thành viên HĐQT	23.240	1,46
4	Nguyễn Tiến Cường	Thành viên HĐQT	30.730	1,92
5	Bùi Quốc Hoài	Thành viên HĐQT	8.580	0,53

Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2016

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Vũ Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT	4/4	100
2	Lê Tự Cường	Thành viên HĐQT	6/6	100
3	Nguyễn Tử Bình	Thành viên HĐQT	6/6	100
4	Nguyễn Tiến Cường	Thành viên HĐQT	6/6	100
5	Bùi Quốc Hoài	Thành viên HĐQT	6/6	100

Năm 2016, HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của công ty để đề ra và triển khai các Nghị quyết. HĐQT đã tổ chức họp 06 phiên để

V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của HĐQT để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của công ty. Một số công việc chính:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hàng quý và năm 2016.
- Ban hành hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam để quản lý, giám sát, điều hành hoạt động của công ty. Xây dựng được hệ thống quản trị nội bộ, đáp ứng mục tiêu minh bạch, kịp thời thông tin với cổ đông và nhà đầu tư.
- Chỉ đạo, giám sát công tác đầu tư phát triển kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ ngành theo chủ trương, định hướng của Tập đoàn theo thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2016

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	92/QĐ-HĐQT	04/2/2016	Quyết định về việc khen thưởng đột xuất 02 cá nhân
2	93/NQ-HĐQT	18/2/2016	Nghị quyết về việc tổ chức ĐHCĐ thường niên 2016
3	94/QĐ-HĐQT	16/3/2016	Quyết định về việc phê duyệt quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2020
4	95/QĐ-HĐQT	29/3/2016	Phê duyệt Kế hoạch năm 2016
5	96a/QĐ-HĐQT	29/3/2016	Ban hành quy chế trả lương, tiền thưởng đối với người lao động Công ty

V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

6	96b/QĐ-HĐQT	31/3/2016	Ban hành thang lương, bảng lương, phụ cấp lương của Công ty
7	98/QĐ-HĐQT	08/4/2016	Nghị quyết bầu chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty
8	99/QĐ-HĐQT	08/4/2016	Quyết định miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty
9	100/QĐ-HĐQT	08/04/2016	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT
10	101/NQ-HĐQT	25/4/2016	Nghị quyết bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty
11	102/QĐ-HĐQT	25/4/2016	Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty
12	103/QĐ-HĐQT	08/6/2016	Quyết định thành lập Ban phát triển CHXD
13	104/QĐ-HĐQT	28/6/2016	Phê duyệt chủ trương đầu tư xe ô tô sitec chở xăng dầu
14	105/QĐ-HĐQT	20/7/2016	Phê duyệt thông số kỹ thuật xe ô tô sitec chở xăng dầu
15	106/QĐ-HĐQT	22/7/2016	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm xe ô tô sitec chở xăng dầu
16	107/QĐ-HĐQT	28/7/2016	Phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu mua sắm xe ô tô sitec chở nhiên liệu
17	108/QĐ-HĐQT	04/8/2016	Phê duyệt mức thù lao Thư ký HĐQT kiêm nhiệm
18	109/QĐ-HĐQT	15/8/2016	Phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu mua sắm xe ô tô sitec chở nhiên liệu
19	110a/QĐ-HĐQT	19/8/2016	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm xe ô tô sitec chở nhiên liệu
20	110b/QĐ-HĐQT	01/9/2016	Quyết định cử đoàn cán bộ đi công tác
21	111/QĐ-HĐQT	12/9/2016	Phê duyệt quyết toán đầu tư 04 xe ô tô sitec

V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

22	112/QĐ-HĐQT	29/9/2016	Phê duyệt bổ sung kế hoạch và dự toán đầu tư 01 xe ô tô sitec dung tích nhỏ
23	113/QĐ-HĐQT	05/12/2016	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch năm 2016
24	114/QĐ-HĐQT	31/12/2016	Phê duyệt trích quỹ lương dự phòng năm 2016

Hoạt động của Thành viên hội đồng quản trị độc lập: Công ty không có Thành viên HĐQT độc lập.

2. Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Chu Đức Hậu	Trưởng BKS	800	0,05
2	Bùi Trung Định	Thành viên BKS	72.280	4,5
3	Ngô Ngọc Vĩnh	Thành viên BKS	3.400	0,21

Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Chu Đức Hậu	Trưởng BKS	3/3	100%
2	Bùi Trung Định	Thành viên BKS	4/4	100%
3	Ngô Ngọc Vĩnh	Thành viên BKS	4/4	100%

V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong công tác giám sát đối với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát có một số ý kiến như sau:

- ❖ Hội đồng Quản trị đã triển khai tích cực các nhiệm vụ mà Đại hội đồng Cổ đông đề ra theo đúng định hướng của công ty, ban hành các nghị quyết, quyết định theo đúng thẩm quyền để quản lý và định hướng các hoạt động của công ty.
- ❖ Các buổi họp của Hội đồng Quản trị được tổ chức tập trung, có đầy đủ các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia. Các buổi họp diễn ra nghiêm túc, các thành viên đều tham gia ý kiến thẳng thắn, có trách nhiệm đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền.
- ❖ Ban Giám đốc công ty đã nỗ lực thực hiện triển khai những nhiệm vụ được giao, làm đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trên cơ sở tuân thủ điều lệ công ty và quy định của pháp luật.
- ❖ Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc để thực hiện nhiệm vụ của mình và được Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành công việc được giao.

3. Lương, thù lao của HĐQT, Ban TGD và BKS năm 2016

Thù lao HĐQT và Ban Giám đốc

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thu nhập	Cộng
1	Vũ Quang Tuấn	Chủ tịch	73.587.500		73.587.500
2	Lê Tự Cường	Thành viên	85.032.500	471.670.000	556.702.500
3	Nguyễn Tử Bình	Thành viên	72.384.000	391.490.000	463.874.000
4	Nguyễn Tiến Cường	Thành viên	72.384.000	378.890.000	451.274.000
5	Bùi Quốc Hoài	Thành viên	72.384.000	232.402.845	304.786.845
	Cộng		375.772.000	1.474.452.845	1.850.224.845

V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thù lao Ban Kiểm soát

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thu nhập	Cộng
1	Chu Đức Hậu	Trưởng Ban		349.482.000	349.482.000
2	Bùi Trung Định	Thành viên	50.668.800	247.050.728	297.719.528
3	Ngô Ngọc Vĩnh	Thành viên	50.668.000	249.971.816	300.639.816
	Cộng		101.336.800	846.504.544	947.841.344

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Tên người nội bộ/người liên quan	Chức vụ		Hình thức	Số lượng	Ngày	Số CP trước GD	Số CP sau GD	Tỷ lệ sau GD
	Quan hệ	Chức vụ						
Hồ Thị Phương Hoa	Vợ		Mua	4.800	21/7/2016	0	4.800	0,37%
Nguyễn Tiến Cường		TV HĐQT	Mua	8.970	10/10/2016	21.760	30.730	1,92%
Nguyễn Tử Bình		TV HĐQT	Mua	6.240	02/11/2016	12.900	19.220	1,2%
Nguyễn Tử Bình		TV HĐQT	Mua	500	9/01/2017	19.220	19.720	1,23%
Nguyễn Tử Bình		TV HĐQT	Mua	3.700	10/01/2017	19.720	23.420	1,46%

V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

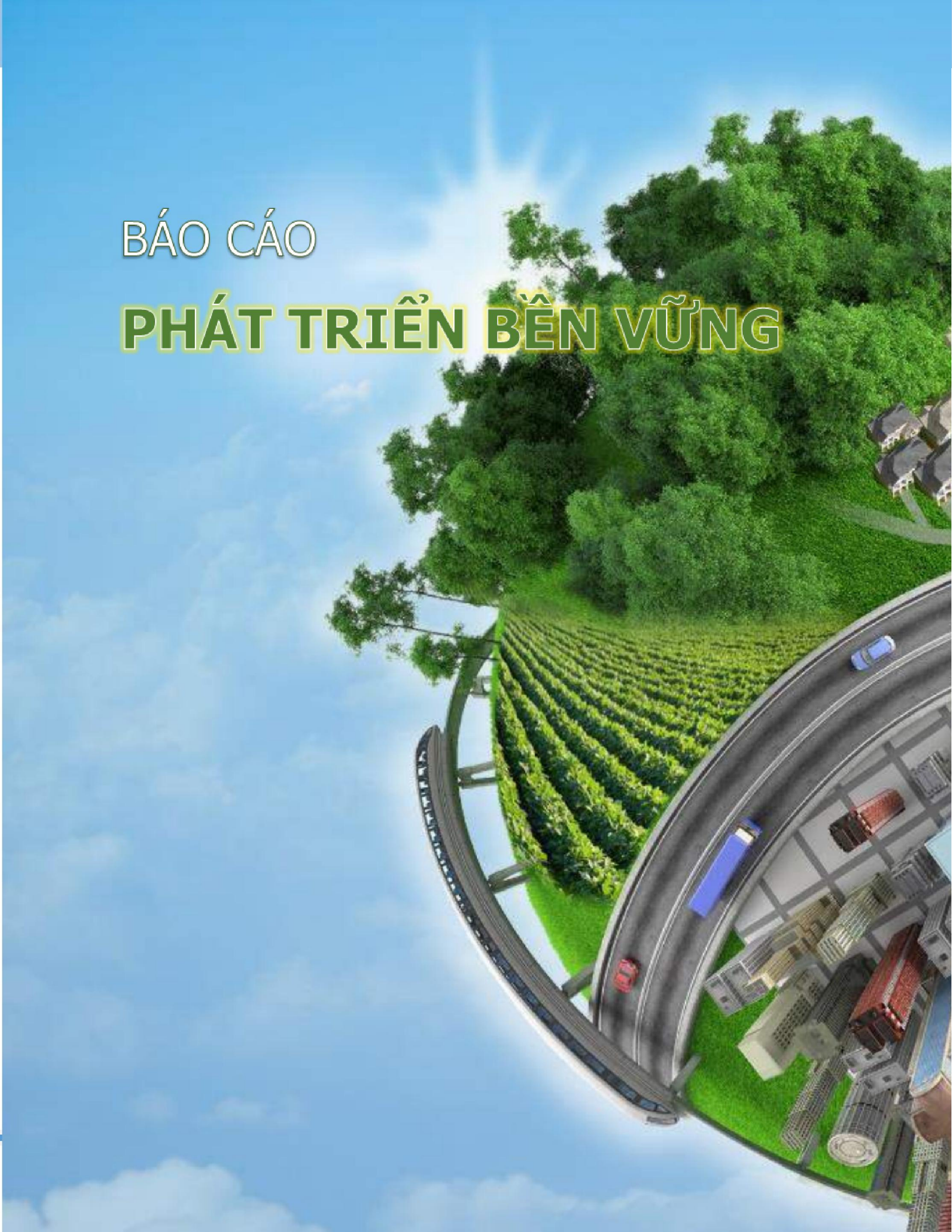
5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời vào quy chế quản trị nội bộ của Công ty, một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh, ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.



BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





VI. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tiêu thụ năng lượng

Tiêu thụ năng lượng năm 2016	Đơn vị tính	Lượng tiêu thụ
Tiêu thụ điện	kW	118.350
Tiêu thụ xăng dầu	m ³	1.479
Tiêu thụ nước	m ³	1.903

Tiêu thụ nhiên liệu

Tổng lượng nhiên liệu năm 2016 Công ty tiêu thụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh vận tải xăng dầu là 1.479 m³, thấp hơn mức 1.930 m³ trong năm 2015. Công ty không sử dụng nguyên liệu tái chế. Việc đầu tư mới phương tiện vận tải hiện đại thay thế các phương tiện vận tải cũ lạc hậu đã giúp Công ty tiết kiệm chi phí đặc biệt là chi phí nhiên liệu.

Tiêu thụ điện năng

Điện năng được công ty sử dụng chủ yếu cho hai mục đích là chiếu sáng tại các kho bãi và sử dụng trong sinh hoạt của bộ phận hành chính – văn phòng.

Tổng mức tiêu thụ năng lượng điện của Công ty năm 2016 là 118.350 kW, thấp hơn so với năm liền trước ở mức 153.540 KW. Công ty đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng: Thay thế toàn bộ bóng đèn sợi đốt bằng bóng đèn huỳnh quang, tắt các thiết bị điện khi không cần thiết, ... Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách rà soát lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành thay mới nếu cần thiết.

Tiêu thụ nước

Mục đích sử dụng: Do đặc thù của ngành kinh doanh nên Công ty chỉ sử dụng nước vào mục đích sinh hoạt cũng như là vệ sinh kho bãi. Trong năm 2016, công ty sử dụng tổng cộng 1.903 m³ nước.

Công ty không trực tiếp tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải. Tuy nhiên, Công ty luôn đảm bảo nguồn nước sau khi sử dụng được thu gom và xả thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.

2. Bảo vệ môi trường

- ***Tuân thủ pháp luật về môi trường***

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt cũng như thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Vì vậy, trong suốt quá trình hoạt động, Công ty chưa từng bị nhắc nhở, xử phạt trong các vấn đề đối với môi trường.

- ***Xây dựng hồ sơ pháp lý trong công tác môi trường***

- Thực hiện đăng ký Đề án bảo vệ môi trường
- Lập Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
- Xây dựng khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại
- Phân công 01 cán bộ chuyên trách công tác bảo vệ môi trường
- Đang thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước...

- ***Thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên, định kỳ***

- Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 02 lần/ năm
- Ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp
- Định kỳ tổ chức vệ sinh kho bãi, nạo vét hệ thống thoát nước... đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan tại công ty
- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại
- Thực hiện chế độ báo cáo liên quan đến công tác môi trường theo đúng quy định và yêu cầu của cơ quan quản lý
- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cho CBCNV Công ty, nhất là bộ phận trực tiếp sản xuất
- Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh luôn chủ động thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường để giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh. Ví dụ như: bảo dưỡng máy móc thiết bị để giảm tiếng ồn khi vận hành, vệ sinh bãi để giảm bụi...

VI. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

3. Chính sách liên quan đến người lao động

❖ *Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động*

STT	Phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)	Mức lương trung bình (Triệu đồng/người)
1	Theo giới tính:	266	100%	
	- Nam	185	70%	5,600,000
	- Nữ	81	30%	5,300,000
2	Theo hợp đồng lao động:	266	100%	
	- Toàn thời gian	266	100%	5,300,000
	- Bán thời gian	0	0%	0
3	Theo trình độ:	266	100%	
	- Đại học	82	31%	8,000,000
	- Cao đẳng	29	11%	3,800,000
	- Phổ thông	155	58%	4,500,000

❖ *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động*

• **Đảm bảo sức khỏe và an toàn cho CBCNV:**

- Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động về BHXH, BHYT, BHTN. Ngoài ra Công ty còn tiến hành mua Bảo hiểm tai nạn 24h cho các CBCNV.
- Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 01 lần/ năm
- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật lao động
- Cung cấp nước sạch tại nơi làm việc, trang bị bảo hộ lao động và thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động như định kỳ kiểm định máy, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động...

• **Đảm bảo phúc lợi cho CBCNV**

- Đảm bảo mức thu nhập cao và ổn định cho CBCNV. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng chính sách lương - thưởng phù hợp và minh bạch.

VI. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV thông qua các hoạt động văn hóa – thể thao, các chương trình tham quan, du lịch,...
- Hỗ trợ thường xuyên và kịp thời cho các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo,...
- Khuyến khích con em của CBCNV thi đua học tập bằng các phần quà ý nghĩa nhân các dịp tết thiếu nhi và Trung Thu.

• ***Đảm bảo bình đẳng giới***

Công ty cũng chú trọng đến vấn đề bình đẳng giới – bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, với các minh chứng cụ thể như sau:

- Mức lương bình quân của người lao động nữ tương đương với mức lương bình quân của lao động nam.
- Các lao động nữ không gặp bất kỳ rào cản nào trong công việc cũng như phát triển sự nghiệp.
- Định kỳ hàng năm, Công ty có các chương trình dành riêng cho chị em phụ nữ nhân các dịp như Quốc tế phụ nữ 08/03 và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.

❖ ***Hoạt động đào tạo người lao động***

Số giờ đào tạo bình quân của mỗi CBCNV trong năm 2016 là 40h/CBCNV. Trong đó, có các chương trình đào tạo như sau:

- Đào tạo về chuyên môn, kỹ năng làm việc cho người lao động mới vào Công ty; đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV
- Đào tạo về kỹ năng PCCC cho CBCNV
- Các khóa đào tạo ngắn hạn, các chương trình, hội thảo, chuyên đề do Ủy ban chứng khoán nhà nước, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Thành phố, các tổ chức khác tổ chức có liên quan đến hoạt động của Công ty như nghiệp vụ kế toán, chế độ báo cáo về chứng khoán, chính sách mới về thuế, lao động, bảo hiểm xã hội, nghiệp vụ xuất nhập khẩu...

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Ý kiến của kiểm toán viên:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”

(Nguồn: Báo cáo tài chính Kiểm toán 2016)

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1362/2000/QĐ/BTM ngày 03 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) dưới hình thức cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 05 năm 2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLIMEX HATAY TRANSPORTATION AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: PTS HATAY.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 17, Quốc lộ 6, Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Tự Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Tiến Cường	Ủy viên
Ông Bùi Quốc Hoài	Ủy viên
Ông Nguyễn Tử Bình	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Lê Tự Cường	Giám đốc
Ông Nguyễn Tử Bình	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Giám đốc
Bà Dương Tú Oanh	Phó Giám đốc
Ông Bùi Văn Thường	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Lê Tự Cường

Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Trụ sở chính TP. Hà Nội

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,

Số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

T: +84 (4) 3 783 2121**F:** +84 (4) 3 783 2122**E:** info@cpavietnam.vn**W** <http://cpavietnam.vn>**Số: 132/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM****BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2016

của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây được lập ngày 20 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng

Trụ sở chính TP. Hà Nội

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,

Số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

T: +84 (4) 3 783 2121

F: +84 (4) 3 783 2122

E: info@cpavietnam.vn

W <http://cpavietnam.vn>

bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 15/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày tháng năm 2017***Bùi Thị Thúy****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		30.509.789.490	25.389.540.748
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.483.076.079	1.107.669.185
1. Tiền	111		1.483.076.079	1.107.669.185
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.779.543.284	18.226.552.679
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	12.633.130.220	8.486.394.360
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	7.750.037.704	9.600.117.439
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	396.375.360	342.357.701
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(202.316.821)
IV. Hàng tồn kho	140		6.891.617.336	5.069.724.255
1. Hàng tồn kho	141	5.5	6.891.617.336	5.069.724.255
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.355.552.791	985.594.629
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.355.552.791	985.594.629
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		62.974.848.812	59.920.435.398
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		32.634.000	64.485.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		32.634.000	64.485.000
II. Tài sản cố định	220		58.827.968.443	55.360.938.666
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	57.372.844.127	53.862.435.898
- Nguyên giá	222		109.232.355.289	100.671.462.005
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.859.511.162)	(46.809.026.107)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	1.455.124.316	1.498.502.768
- Nguyên giá	228		1.871.985.537	1.871.985.537
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(416.861.221)	(373.482.769)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	412.010.224
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	412.010.224
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.114.246.369	4.083.001.508
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	4.114.246.369	4.083.001.508
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		93.484.638.302	85.309.976.146

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		62.577.898.154	56.028.955.423
I. Nợ ngắn hạn	310		30.683.955.995	25.405.196.998
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	2.524.837.994	2.575.792.100
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	1.151.816.379	2.077.305.586
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.424.446.046	567.120.638
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		121.275.949	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	52.762.254	68.607.554
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	24.004.349.022	19.916.692.563
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.069.727.289	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		334.741.062	199.678.557
II. Nợ dài hạn	330		31.893.942.159	30.623.758.425
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	31.893.942.159	30.623.758.425
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		30.906.740.148	29.281.020.723
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	30.906.740.148	29.281.020.723
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.000.000.000	16.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.000.000.000	16.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.051.082.000	1.051.082.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.665.846.218	9.665.846.218
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.189.811.930	2.564.092.505
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.189.811.930	2.564.092.505
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		93.484.638.302	85.309.976.146

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Giám đốc



Đinh Xuân Vũ

Ngô Thị Vui

Lê Tự Cường

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	741.743.387.052	797.751.495.836
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		741.743.387.052	797.751.495.836
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	682.121.610.732	750.212.397.435
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		59.621.776.320	47.539.098.401
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	31.354.704	128.072.803
7. Chi phí tài chính	22	5.19	1.886.636.895	1.543.237.778
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.866.014.626	1.526.763.107
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	31.904.980.609	26.038.071.835
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.20	20.733.883.950	16.849.240.295
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		5.127.629.570	3.236.621.296
11. Thu nhập khác	31		143.592.762	387.213.777
12. Chi phí khác	32		16.363.636	253.194.892
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.21	127.229.126	134.018.885
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		5.254.858.696	3.370.640.181
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	1.065.046.766	806.547.676
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.189.811.930	2.564.092.505
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	2.619	1.000

Người lập



Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Giám đốc



Lê Tự Cường

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.254.858.696	3.370.640.181
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	6.882.443.537	6.283.699.126
- Các khoản dự phòng	03	867.410.468	202.316.821
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(150.090.686)	(445.158.901)
- Chi phí lãi vay	06	1.866.014.626	1.526.763.107
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.720.636.641	10.938.260.334
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.318.822.784)	816.552.278
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.821.893.081)	667.868.896
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	2.317.718.672	(11.392.378.104)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(401.203.023)	935.731.850
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.866.014.626)	(1.526.763.107)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(872.521.753)	(1.271.164.865)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	200.000.000	1.633.200.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.282.777.207)	(1.491.137.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.675.122.839	(689.829.848)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.937.463.090)	(10.418.190.908)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	139.090.909	375.295.999
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.999.777	69.862.902
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.787.372.404)	(9.973.032.007)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	76.148.183.432	38.199.557.901
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(72.060.526.973)	(26.619.832.948)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.600.000.000)	(1.120.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.487.656.459	10.459.724.953
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	375.406.894	(203.136.902)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.107.669.185	1.310.806.087
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.483.076.079	1.107.669.185

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Giám đốc

Đinh Xuân Vũ

Ngô Thị Vui



Lê Tự Cường

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1362/2000/QĐ/BTM ngày 03 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) dưới hình thức cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19 tháng 05 năm 2014. Vốn điều lệ của Công ty là 16.000.000.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLIMEX HATAY TRANSPORTATION AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: PTS HATAY.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 17, Quốc lộ 6, Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	816.000	8.160.000.000	51%
Các cổ đông khác	784.000	7.840.000.000	49%
Tổng	1.600.000	16.000.000.000	100%

Số lao động bình quân trong năm 2016: 267 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Tổng đại lý bán buôn xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hoá dầu và các hàng hoá khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải xăng dầu, vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: bán buôn sơn, vecni;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ nước hoa, hàng mỹ phẩm và các chế phẩm vệ sinh;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: kinh doanh bất động sản
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: dịch vụ kho vận, bãi đỗ xe;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: dịch vụ sửa chữa phương tiện vận tải;
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: dịch vụ ăn uống;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây lắp, sửa chữa các công trình xăng dầu, thiết bị xăng dầu và các công trình dân dụng khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu phương tiện vận tải, vật tư, thiết bị, phụ tùng ô tô, vật tư thiết bị chuyên dùng xăng dầu.

Hoạt động chính của Công ty năm 2016 là: Kinh doanh và vận tải xăng dầu.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Văn phòng Công ty
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ

khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: là chi phí san lấp giải phóng mặt bằng.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm tự động hoá và phần mềm quản lý các cửa hàng xăng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Năm 2016 (số năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thời gian khấu hao là từ 30 đến 50 năm.

Tài sản cố định vô hình khác là phần mềm máy tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 4-7 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Tiền thuê các cửa hàng xăng dầu được phân bổ theo thời gian thuê theo từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê đất phải trả: trích trước theo thông báo tiền thuê đất đợt 1
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển trích với số tiền là 405.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế.
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 588.081.016 đồng từ lợi nhuận sau thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam và các công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là vận tải, kinh doanh xăng dầu, vận chuyển đường bộ và lĩnh vực khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	283.920.412	296.768.023
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.199.155.667	810.901.162
Tổng	1.483.076.079	1.107.669.185

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	12.633.130.220	8.486.394.360
Công ty TNHH Thương Mại Mai Dương	152.063.875	594.695.799
Công ty Cổ Phần Vạn Xuân	-	370.188.328
Công ty TNHH Xăng Dầu Hồng Phát	836.617.832	508.065.792
Công ty TNHH MTV Thương M	714.221.134	645.420.954
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phú Hưng	461.930.112	-
Công ty TNHH MTV Thương	858.226.120	223.318.270
Các đối tượng khác	9.610.071.147	6.144.705.217
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan</i>	<i>3.647.900.068</i>	<i>2.849.538.555</i>
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào	1.611.607.806	1.021.239.002
Công ty Xăng dầu Điện Biên	1.645.842.309	1.689.546.232
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	374.797.451	131.328.876
Công ty Bảo hiểm PJICO Thăng Long	15.652.502	7.424.445
Tổng	12.633.130.220	8.486.394.360

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình (VP Công ty)	6.818.147.398	7.773.742.580
Công ty Xăng Dầu Hà Sơn Bình (CN Hòa Bình)	94.905.329	1.774.124.874
Các khoản trả trước khác	836.984.977	52.249.985
	7.750.037.704	9.600.117.439

5.4 Phải thu khác

	31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	396.375.360		342.357.701	
Tạm ứng	212.000.000	-	144.150.000	-
Phải thu thuế TNCN	30.322.915	-	30.322.915	-
Phải thu khác	154.052.445	-	167.884.786	-
b) Dài hạn	32.634.000		64.485.000	
Ký cược, ký quỹ	32.634.000		64.485.000	
Tổng	429.009.360	-	406.842.701	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	354.169.274	-	495.813.874	-
Công cụ, dụng cụ	95.499.000	-	49.214.000	-
Hàng hoá	6.441.949.062	-	4.524.696.381	-
Tổng	6.891.617.336	-	5.069.724.255	-

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	13.071.056.033	3.693.806.452	83.616.071.497	290.528.023	100.671.462.005
Tăng trong năm	530.828.406	209.681.818	9.611.972.181	115.809.091	10.468.291.496
Mua trong năm	37.000.000	172.681.818	9.611.972.181	115.809.091	9.937.463.090
Phân loại lại	81.818.182	37.000.000	-	-	118.818.182
Đầu tư XD CB hoàn thành	412.010.224	-	-	-	412.010.224
Giảm trong năm	-	118.818.182	1.748.313.280	40.266.750	1.907.398.212
Thanh hủy	-	-	-	40.266.750	40.266.750
Phân loại lại	-	118.818.182	-	-	118.818.182
Thanh lý	-	-	1.748.313.280	-	1.748.313.280
Số dư tại 31/12/2016	13.601.884.439	3.784.670.088	91.479.730.398	366.070.364	109.232.355.289
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2016	8.901.676.574	2.497.401.129	35.207.581.698	202.366.706	46.809.026.107
Tăng trong năm	877.815.252	334.049.305	5.566.280.889	72.488.683	6.850.634.129
Khấu hao trong năm	866.862.875	333.432.638	5.566.280.889	72.488.683	6.839.065.085
Phân loại lại	10.952.377	616.667	-	-	11.569.044
Giảm trong năm	-	11.569.044	1.748.313.280	40.266.750	1.800.149.074
Thanh hủy	-	-	-	40.266.750	40.266.750
Thanh lý	-	-	1.748.313.280	-	1.748.313.280
Phân loại lại	-	11.569.044	-	-	11.569.044
Số dư tại 31/12/2016	9.779.491.826	2.819.881.390	39.025.549.307	234.588.639	51.859.511.162
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2016	4.169.379.459	1.196.405.323	48.408.489.799	88.161.317	53.862.435.898
Tại 31/12/2016	3.822.392.613	964.788.698	52.454.181.091	131.481.725	57.372.844.127

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 21.576.343.729 đồng (tại ngày 31/12/2015: 23.670.888.528 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình mang đi cầm cố thế chấp các hợp đồng vay tại ngày 31/12/2016 là 18.406.631.489 đồng (tại ngày 31/12/2015: 13.603.135.714 đồng).

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2016	1.744.485.537	127.500.000	1.871.985.537
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	1.744.485.537	127.500.000	1.871.985.537
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2016	260.045.281	113.437.488	373.482.769
Tăng trong năm	35.342.740	8.035.712	43.378.452
Khấu hao trong năm	35.342.740	8.035.712	43.378.452
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	295.388.021	121.473.200	416.861.221
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	1.484.440.256	14.062.512	1.498.502.768
Tại 31/12/2016	1.449.097.516	6.026.800	1.455.124.316

Quyền sử dụng đất gồm:

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 02432QSD/HT ngày 21/7/2004 với diện tích 6.657,7 m², thời hạn sử dụng 30 năm (từ 12/09/2002 đến 12/09/2032), mục đích sử dụng: XD tại Xã Đồng Mai, Huyện Thanh Oai, Tỉnh Hà Tây.

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 02433QSD/HT ngày 21/7/2004 với diện tích 9.819,72m², thời hạn sử dụng 50 năm (từ 31/12/2003 đến 31/12/2053), mục đích sử dụng: XD tại Xã Đồng Mai, Huyện Thanh Oai, Tỉnh Hà Tây.

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	1.355.552.791	985.594.629
- Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải	1.260.458.333	787.571.520
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	95.094.458	198.023.109
b) Dài hạn	4.114.246.369	4.083.001.508
- Chi phí trả trước về thuê cửa hàng	3.865.297.727	3.636.582.440
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	248.948.642	386.716.223
- Chi phí khác	-	59.702.845
Tổng	5.469.799.160	5.068.596.137

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.524.837.994	2.524.837.994	2.575.792.100	2.575.792.100
<i>Công ty CP Xây dựng và TM Quang Thắng</i>	-	-	359.114.253	359.114.253
<i>Công ty TNHH PTCN Điện tử Bình Anh</i>	-	-	389.862.000	389.862.000
<i>Cửa hàng Phụ tùng Ô tô Tiến Thắng</i>	-	-	284.540.000	284.540.000
<i>Công ty TNHH Xây dựng Hoa Dương</i>	964.608.000	964.608.000	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	1.560.229.994	1.560.229.994	1.542.275.847	1.542.275.847
Trong đó:				
Phải trả các bên liên quan	794.329.096	794.329.096	923.493.692	845.797.436
<i>Công ty Xăng dầu Khu vực I</i>	730.869.596	730.869.596	589.313.834	589.313.834
<i>Tổng Công ty Hoá dầu Petrolimex - CTCP</i>	-	-	256.483.602	256.483.602
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội</i>	63.459.500	63.459.500	77.696.256	-
Tổng	2.524.837.994	2.524.837.994	2.575.792.100	2.575.792.100

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Công ty Cổ Phần Vạn Xuân</i>	909.604.874	-
<i>Doanh Nghiệp Tư Nhân Thuý Tứ</i>	-	565.414.883
<i>Công ty TNHH Thành Luân</i>	-	219.597.090
<i>Các đối tượng khác</i>	242.211.505	1.292.293.613
Tổng	1.151.816.379	2.077.305.586

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
Thuế giá trị gia tăng	495.085.343	4.700.990.475	4.038.776.285	1.157.299.533
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.547.674	1.068.646.766	872.521.753	252.672.687
Thuế thu nhập cá nhân	15.487.621	256.036.872	257.050.667	14.473.826
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.217.391.067	2.217.391.067	-
Các loại thuế khác	-	21.952.576	21.952.576	-
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	17.954.000	17.954.000	-
Tổng	567.120.638	8.282.971.756	7.425.646.348	1.424.446.046

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	52.762.254	68.607.554
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	52.762.254	68.607.554
b) Dài hạn	31.893.942.159	30.623.758.425
Nhận tiền đặt cọc của lái xe có tính lãi suất {1}	14.041.070.629	15.163.355.331
Phải trả tiền góp vốn, liên kết mua xe {2}	17.852.871.530	15.460.403.094
Tổng	31.946.704.413	30.692.365.979

(1): Khoản nhận tiền đặt cọc của lái xe có tính lãi suất:

Theo các hợp đồng đã ký kết giữa bên ký cược (Bên A) và nhận ký cược (Bên B), số tiền ký cược được thỏa thuận theo từng hợp đồng ký cược, mức lãi suất theo bên B quy định (có thể thay đổi theo từng thời kỳ phù hợp với mức lãi suất huy động của ngân hàng Nhà nước) theo số tiền ký cược và thời gian ký cược. Mỗi quý tính lãi 1 lần, nếu bên A không rút lãi thì số tiền lãi đó bên B sẽ tự động lũy kế vào số tiền ký cược của bên A và được tính lãi cho các kỳ tiếp theo.

(2): Khoản nhận tiền góp vốn, liên kết mua xe:

Theo các Hợp đồng góp vốn đầu tư xe ô tô đã ký kết giữa các bên: bên A - Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây và bên B - Các đối tượng góp vốn, tỷ lệ góp: mỗi bên góp 50% giá trị, bên A: có trách nhiệm tổ chức quản lý điều hành, quyết định điều động xe đáp ứng yêu cầu vận chuyển xăng dầu của bên A và thanh toán các khoản chi phí, chế độ, quyền lợi và trả tiền khấu hao xe theo tỷ lệ góp vốn 50% cho bên B theo đơn giá vận tải khoán quy định của Công ty (bên A). Khi chấm dứt hợp đồng, tài sản xe ô tô sẽ được định giá theo giá thị trường: bên B được hưởng 50% giá trị tài sản sau khi trừ đi các khoản: Thuế GTGT, thuế TNDN, các khoản chi phí phát sinh khác (nếu có). Nếu tài sản được nhượng bán với giá thấp hơn giá trị còn lại theo sổ sách kế toán thì bên A được quyền nhận đủ số vốn góp còn lại của bên A.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.13 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	24.004.349.022	24.004.349.022	76.148.183.432	72.060.526.973	19.916.692.563	19.916.692.563
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở Giao dịch Đồng Đa Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000	70.000.000.000	65.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Các cá nhân	4.004.349.022	4.004.349.022	6.148.183.432	7.060.526.973	4.916.692.563	4.916.692.563
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng	24.004.349.022	24.004.349.022	76.148.183.432	72.060.526.973	19.916.692.563	19.916.692.563

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng tín dụng số 17737.16.002.1355194.TD ngày 12/5/2016; hạn mức vay 25 tỷ đồng; lãi suất trong hạn được xác định căn cứ trên kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ với Công ty và quyết định về lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ; lãi suất của từng khoản vay sẽ được kế ước nhận nợ của khoản vay đó. Mục đích sử dụng tiền vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh trong năm.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	16.000.000.000	1.051.082.000	7.834.786.841	1.426.059.377	2.113.081.016	28.425.009.234
Tăng trong năm	-	-	1.831.059.377	-	2.564.092.505	4.395.151.882
Phân loại thông tư số 200/2014	-	-	1.426.059.377	-	-	1.426.059.377
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	2.564.092.505	2.564.092.505
Trích lập các quỹ	-	-	405.000.000	-	-	405.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	1.426.059.377	2.113.081.016	3.539.140.393
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	993.081.016	993.081.016
Chi cổ tức	-	-	-	-	1.120.000.000	1.120.000.000
Phân loại thông tư số 200/2014	-	-	-	1.426.059.377	-	1.426.059.377
Số dư tại 31/12/2015	16.000.000.000	1.051.082.000	9.665.846.218	-	2.564.092.505	29.281.020.723
Số dư tại 01/01/2016	16.000.000.000	1.051.082.000	9.665.846.218	-	2.564.092.505	29.281.020.723
Tăng trong năm	-	-	-	-	4.189.811.930	4.189.811.930
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	4.189.811.930	4.189.811.930
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.564.092.505	2.564.092.505
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	1.600.000.000	1.600.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	964.092.505	964.092.505
Số dư tại 31/12/2016	16.000.000.000	1.051.082.000	9.665.846.218	-	4.189.811.930	30.906.740.148

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	8.160.000.000	8.160.000.000
Cổ đông khác	7.840.000.000	7.840.000.000
Tổng	16.000.000.000	16.000.000.000

c. Cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.600.000	1.600.000
Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000
Cổ phiếu quỹ		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

5.15 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a, Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	661.336.173.075	715.741.647.543
Doanh thu bán xăng dầu	646.506.051.573	700.661.777.448
Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	8.090.924.248	7.456.449.960
Doanh thu bán hàng hóa khác	6.739.197.254	7.623.420.135
Doanh thu cung cấp dịch vụ	80.407.213.977	82.009.848.293
Doanh thu vận tải bộ	77.994.848.740	77.461.051.163
Doanh thu dịch vụ hoạt động khác	333.291.428	306.452.039
Doanh thu xây lắp sửa chữa	2.079.073.809	4.242.345.091
Tổng	741.743.387.052	797.751.495.836
b, Doanh thu đối với các bên liên quan	76.006.743.866	76.368.936.387
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	51.786.710.960	52.417.387.661
Công ty Xăng dầu Điện Biên	15.320.473.194	14.436.765.704
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	1.463.001.438	119.389.887
Công ty TNHH GAS Petrolimex Hà Nội	49.090.908	49.090.908
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	117.618.703	271.336.886
Công ty MTV Petrolimex Lào	7.269.848.663	9.074.965.341
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	741.743.387.052	797.751.495.836

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.16 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán hàng hóa	622.921.649.761	686.247.852.251
Giá vốn bán xăng dầu	609.131.975.544	672.473.959.615
Giá vốn bán dầu mỡ nhờn	7.462.417.437	6.678.757.460
Giá vốn bán hàng hóa khác	6.327.256.780	7.095.135.176
Giá vốn cung cấp dịch vụ	59.199.960.971	63.964.545.184
Giá vốn vận tải bộ	56.854.282.593	59.503.872.955
Giá vốn dịch vụ hoạt động khác	227.000.027	276.560.931
Giá vốn xây lắp sửa chữa	2.118.678.351	4.184.111.298
Tổng	682.121.610.732	750.212.397.435

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	10.999.777	69.862.902
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.354.927	58.209.901
Tổng	31.354.704	128.072.803

5.18 Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	1.866.014.626	1.526.763.107
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.622.269	16.474.671
Tổng	1.886.636.895	1.543.237.778

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.19 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí bán hàng	31.904.980.609	26.038.071.835
Chi phí nhân viên	12.904.942.451	11.484.561.193
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	525.910.853	617.574.232
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.540.583.622	1.183.667.575
Chi phí khấu hao TSCĐ	996.671.815	962.109.013
Chi phí sửa chữa tài sản	1.506.536.364	1.348.533.533
Chi phí bốc xếp, vận chuyển, bảo hiểm	3.004.581.067	3.313.417.788
Thuế, phí và lệ phí	674.634.640	1.218.958.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.605.997.728	676.158.206
Chi phí bằng tiền khác	9.145.122.069	5.233.092.017
Chi phí quản lý	20.733.883.950	16.849.240.295
Chi phí nhân viên quản lý	8.143.479.002	8.653.641.191
Chi phí vật liệu quản lý	72.679.092	155.564.396
Chi phí đồ dùng văn phòng	649.591.392	395.190.903
Chi phí khấu hao TSCĐ	612.956.819	691.489.666
Thuế phí và lệ phí	765.100.000	548.785.077
Chi phí dự phòng	1.069.727.289	202.316.821
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.241.874.637	926.098.976
Chi phí bằng tiền khác	8.178.475.719	5.276.153.265
Tổng	52.638.864.559	42.887.312.130

5.20 Lợi nhuận khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý TSCĐ	139.090.909	375.295.999
Thu nhập khác	4.501.853	11.917.778
Tổng	143.592.762	387.213.777
Chi phí khác		
Chi phí phạt thuế theo biên bản thanh tra	-	253.194.892
Chi phí khác	16.363.636	-
Tổng	16.363.636	253.194.892
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	127.229.126	134.018.885

5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.065.046.766	806.547.676
Tổng	1.065.046.766	806.547.676

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.189.811.930	2.564.092.505
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	964.092.505
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.189.811.930	1.600.000.000
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.600.000	1.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.619	1.000

(*): Theo Nghị Quyết số 97/NQ- ĐHCĐ ngày 05 tháng 04 năm 2016, Đại Hội đồng Cổ đông Công ty chưa xác định số quỹ khen thưởng, phúc lợi phải trích trong năm 2016. Do đó, cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, Công ty chưa xác định số tiền để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi để giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty đã tính toán lại lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2015 theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 (lãi cơ bản năm 2015 là 1603 đồng/cổ phiếu).

5.23 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	30.697.546.254	36.266.142.460
Chi phí nhân công	36.915.881.770	31.744.044.576
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.882.443.537	6.283.699.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.146.238.011	2.480.731.774
Chi phí khác bằng tiền	35.376.189.182	30.077.239.378
Tổng	113.018.298.754	106.851.857.314

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Tiền lương và Thù lao	2.221.193.845	1.879.018.748
Tổng		2.221.193.845	1.879.018.748

Số dư và Giao dịch trong nội bộ Tập đoàn được chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: kinh doanh xăng dầu, vận chuyển đường bộ và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh phụ tùng, dịch vụ sửa chữa, và dịch vụ khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2016:

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	49.020.513.649	6.284.097.256	56.327.761	55.360.938.666
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	412.010.224
Các khoản phải thu	2.921.779.110	15.100.227.520	204.546.049	18.226.552.679
Hàng tồn kho	559.411.874	1.995.864.195	2.514.448.186	5.069.724.255
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	6.240.750.322
Tổng tài sản	-	-	-	85.309.976.146
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	27.836.846.854	17.427.555.671	1.894.698.675	47.159.101.200
Phải trả tiền vay	-	8.336.967.610	-	8.336.967.610
Nợ phải trả không thể phân bổ	-	-	630.045.086	532.886.613
Tổng nợ phải trả	-	-	-	56.028.955.423

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015:

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	77.461.051.163	700.661.777.448	19.628.667.225	797.751.495.836
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-	-
Loại trừ lãi chưa thực hiện	-	-	-	-
Doanh thu	77.461.051.163	700.661.777.448	19.628.667.225	797.751.495.836
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	957.468.688	1.748.270.861	149.614.052	2.855.353.601
Lãi tiền gửi	-	-	-	128.072.803
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	387.213.777
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(806.547.676)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.564.092.505

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2016:

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	51.756.512.646	6.084.305.786	987.150.011	58.827.968.443
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-
Các khoản phải thu	3.996.815.566	16.734.441.216	48.286.502	20.779.543.284
Hàng tồn kho	400.308.274	4.090.179.345	2.401.129.717	6.891.617.336
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	6.985.509.239
Tổng tài sản	-	-	-	93.484.638.302
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	32.120.524.765	3.179.709.057	323.124.964	35.623.358.786
Phải trả tiền vay	4.004.349.022	20.000.000.000	-	24.004.349.022
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	2.950.190.346
Tổng nợ phải trả	-	-	-	62.577.898.154

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (TIẾP THEO)

Báo cáo Kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016:

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
DOANH THU	77.994.848.740	646.506.051.573	17.242.486.739	741.743.387.052
Tổng doanh thu				
Doanh thu	77.994.848.740	646.506.051.573	17.242.486.739	741.743.387.052
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	1.698.191.122	3.153.484.958	228.235.150	5.079.911.230
Lãi tiền gửi	-	-	-	31.354.704
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	143.592.762
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(1.065.046.766)
Lợi nhuận trong năm				4.189.811.930

6.3 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.12, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.483.076.079	1.107.669.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.029.505.580	8.828.752.061
Tổng	14.512.581.659	9.936.421.246
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	24.004.349.022	19.916.692.563
Phải trả người bán và phải trả khác	2.577.600.248	2.644.399.654
Tổng	26.703.225.219	22.561.092.217

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty phát sinh rất ít các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty phát sinh các khoản vay chịu lãi suất là không đáng kể do chỉ phát sinh vay ngắn hạn và thời hạn ngắn, do đó, không có rủi ro lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty không phát sinh các khoản đầu tư vào công cụ vốn do vậy không chịu rủi ro về giá.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa chủ yếu từ các nhà cung cấp trong cùng Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam để phục vụ hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu là của các khách hàng lâu năm, luân chuyển liên tục, thường xuyên đối chiếu công nợ và các khách hàng trong cùng Tập đoàn.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thành khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	24.004.349.022	-	24.004.349.022
Phải trả người bán và phải trả khác	2.577.600.248	-	2.577.600.248
01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	19.916.692.563	-	19.916.692.563
Phải trả người bán và phải trả khác	2.644.399.654	-	2.644.399.654

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.483.076.079	-	1.483.076.079
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.029.505.580	-	13.029.505.580
01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.107.669.185	-	1.107.669.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.828.752.061	-	8.828.752.061

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.4 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập



Đinh Xuân Vũ

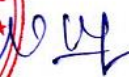
Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Giám đốc



Lê Tự Cường

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: năm 2016

Phần II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và Thu nhập khác

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác
					Tổng số	Trong đó:		
						Cổ tức, lợi nhuận tạm tính (nếu có)	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận	
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1	XD	11015000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	51.786.710.960	-	-	-	
2	XD	11026000	Công ty Xăng dầu Điện Biên	15.320.473.194	-	-	-	
3	XD	11056500	Chi nhánh Gas Hà Nội	49.090.908	-	-	-	
4	CP	11038000	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	117.618.703				
5	CP	11006001	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào	7.269.848.663				
6	CP	110117000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	1.463.001.438				
			Tổng	76.006.743.866	-	-	-	

Người lập



Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Giám đốc



Lê Tự Cường

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO HÀNG HÓA MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Chỉ tiêu/Đơn vị bán	Xăng dầu	Hóa dầu	Gas, bếp và phụ kiện	Hàng hóa khác
A	B	C	D	1	2	3	4
I			Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho đầu kỳ	1.995.864.195	858.925.749	23.429.440	-
II			Giá trị hàng hóa mua nội bộ trong kỳ	611.226.208.220	3.275.087.120	243.463.800	4.990.909.090
1	XD	11001100	Văn phòng Công ty Xăng dầu Khu vực I	64.674.141.594	-	-	-
2	XD	11015100	Văn phòng Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	347.457.469.701	-	-	-
3	XD	11015300	Chi nhánh xăng dầu Hòa Bình- Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	199.094.596.925	-	-	-
4	CP	11024000	Công ty Cổ phần Hoá dầu Petrolimex	-	3.275.087.120	-	-
5		11056000	Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội			243.463.800	
			Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu				4.990.909.090
III			Giá trị hàng hóa mua nội bộ xuất trong kỳ	609.131.893.070	3.932.842.098	223.904.520	4.990.909.090
IV			Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho cuối kỳ	4.090.179.345	201.170.771	42.988.720	-

Người lập



Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Giám đốc



Lê Tự Cường

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHĐXD	Phải thu khác	Kỹ quỹ ký cược	Cho vay nội bộ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			PHẦN I: NGẮN HẠN	3.647.900.068	6.913.052.727	-	-	-	-
1	XD	11015000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình		6.818.147.398	-	-	-	-
2	XD	11015300	Công ty Xăng dầu Hòa Bình		94.905.329	-	-	-	-
3	XD	11042000	Công ty Xăng dầu Điện Biên	1.645.842.309		-	-	-	-
4	XD	11007000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	374.797.451					
5	CP	11006001	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào	1.611.607.806		-	-	-	-
6	CP	11038000	Công ty Bảo hiểm PJICO Thăng Long	15.652.502					
			PHẦN II: DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-

Người lập



Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Giám đốc



Lê Tự Cường

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả trước	Phải trả theo tiến độ KH HỖXD	Phải trả phải nộp khác	Nhận ký quỹ ký cược	Vay và nợ nội bộ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			PHẦN I: NGẮN HẠN	794.329.096	-	-	-	-	-
1	XD	11001000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	730.869.596		-	-	-	-
2	XD	11056000	Công ty TNHH Gas Petrolimex HN	63.459.500		-	-	-	-
			PHẦN II: DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-

Người lập



Đinh Xuân Vũ

Kế toán trưởng



Ngô Thị Vui

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2017

Giám đốc



Lê Tự Cường

